

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 40, Chúa Nhật 06.05.2007

CÁC SỐ BÁO ĐÃ PHÁT HÀNH

MỤC LỤC

Thân Phận Con Người Trong Thế Giới Ngày Nay Gaudium Et Spes

MẸ MARIA MẪU GƯƠNG CÁC GIA ĐÌNH GSVN

LỜI GIỚI THIỆU tác phẩm GIÁO HỘI CẦN LOẠI LINH MỤC NÀO? Lm Giuse Lê Công Đức chuyển ngữ

XỨC DẦU THÁNH + Gm. GB. Bùi Tuần

EM BIẾT TIN AI BÂY GIỜ ?! Lm. Đỗ Văn Lực, OP.

NHÂN LOẠI VẤN CẦN... Lm. Vũ xuân Hạnh

ĐỒNG CỎ NHÂN ÁI VÀ SUỐI MÁT BÌNH AN Lm. Lê Quang Uy.

NguồnƠn Thác Đỗ Thanh Vân

GIUSE – THÁNH QUAN THÀY ĐÁNG KÍNH CỦA TÔI Giuse Nguyễn Thụy Nhân

TÌNH YÊU LÀ KIÊN NHẪN Lm Micae-Phaolô Trần Minh Huy chuyển ngữ

Bệnh Cột Sống Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức

Thân Phận Con Người Trong Thế Giới Ngày Nay

Hiến Chế Mục Vụ Về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay

Gaudium Et Spes

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Nhập Đề

Thân Phận Con Người

Trong Thế Giới Ngày Nay 4*

4. Hy vọng và lo âu. Để chu toàn phận vụ ấy, lúc nào Giáo Hội cũng có bốn phận tìm hiểu tường tận những dấu chỉ của thời đại ^{5*} và giải thích dưới ánh sáng Phúc Âm; như vậy mới có thể giải đáp một cách thích ứng với từng thể hệ những thắc mắc muôn thuở của con người về ý nghĩa cuộc sống hiện tại và mai hậu cũng như về mối tương quan giữa hai cuộc sống ấy. Do đó, cần phải biết và hiểu thể giới chúng ta đang sống với những chờ đợi, mong ước và cả tính chất thường là bi thảm của nó. Có thể phác họa một vài nét chính yếu của thể giới ngày nay như sau:

Nhân loại ngày nay đang sống vào một giai đoạn mới trong lịch sử của mình ^{6*}. Đó là giai đoạn chất chứa những đổi thay sâu xa và mau chóng đang dần dần lan rộng tới toàn thể hoàn cầu. Những thay đổi do óc thông minh và nỗ lực sáng tạo của con người khơi dậy, đang trở lại ảnh hưởng trên chính con người, trên những phán đoán và ước vọng cá nhân hay tập thể con người, trên cách suy tư và hành động đối với sự vật cũng như con người. Như vậy, chúng ta có thể nói đến sự biến đổi đích thực về mặt xã hội cũng như văn hóa, sự biến đổi này đang lan tràn tới cả đời sống tôn giáo.

Cũng như trong bất cứ cơn khủng hoảng tăng trưởng nào, sự biến đổi này kéo theo những khó khăn không nhỏ. Chẳng hạn như đang khi bành trướng quá rộng quyền lực của mình, không phải lúc nào con người cũng có thể bắt nó phục vụ mình. Cố gắng đi sâu hơn vào thâm tâm mình, con người nhiều khi lại tỏ ra hoang mang hơn về chính mình. Dò dẫm tìm hiểu rõ hơn những luật lệ của đời sống xã hội, con người lại do dự không dám định đoạt hướng đi cho mình.

Chưa bao giờ nhân loại dồi dào của cải, khả năng và quyền lực kinh tế như ngày nay, vậy mà tới nay, một phần rất lớn nhân loại trên thế giới đang quẩn quại vì đói ăn và thiếu thốn, rồi không biết bao nhiêu người đang chịu cảnh mù chữ. Chưa bao giờ con người ý thức mãnh liệt được sự tự do như ngày nay, đang khi đó, lại thấy sống dậy những hình thức nô lệ mới mẻ về mặt xã hội cũng như tâm lý. Trong lúc đang mãnh liệt cảm thấy sự duy nhất cũng như sự kiện tất cả lệ thuộc nhau trong sự liên đới cần thiết, thì thế giới lại bị lôi kéo kịch liệt theo những chiều hướng tương phản do những lực lượng chống đối nhau; thực vậy vẫn còn kéo dài mãi tới ngày nay những bất đồng trầm trọng về chính trị, xã hội, kinh tế, chủng tộc và ý thức hệ, và một cuộc chiến diệt vong vẫn còn đe dọa. Đang khi sự trao đổi tư tưởng phát triển, thì những ngôn ngữ dùng để diễn tả những quan niệm có tầm mức quan trọng lại mang ý nghĩa khác nhau tùy từng ý thức hệ riêng biệt. Sau hết, người ta nỗ lực đi tìm một tổ chức trần thế hoàn hảo hơn, nhưng lại không lo tiến tới sự phát triển tinh thần tương xứng.

Do những hoàn cảnh phức tạp như thế chi phối, rất nhiều người đương thời thấy khó lòng có thể nhận chân được những giá trị trường cửu và đồng thời cũng khó mà hòa hợp những giá trị ấy cho đúng với những phát minh gần đây. Do đó, bị lay động giữa hy vọng và lo âu, băn khoăn về sự xoay chuyển hiện tại của thế giới, họ cảm thấy một nỗi ưu tư. Sự xoay chuyển của thế giới đang thách đố và thúc bách con người tìm câu giải đáp.

5. Những hoàn cảnh biến đổi sâu rộng. Sự giao động tâm hồn hiện nay và sự thay đổi cảnh sống gắn liền với một biến chuyển rộng lớn hơn. Trong phạm vi trí dục, sự biến chuyển này làm cho toán học, vạn vật học và các khoa học nhân văn càng ngày càng thêm quan trọng, còn trong phạm vi hoạt động, thì kỹ thuật, con đẻ của khoa học, lại mỗi ngày một thêm uy thế. Tinh thần khoa học này đang tạo ra một nền văn hóa và những lối suy tư khác với trước kia. Kỹ thuật phát hiện đến độ thay đổi cả cục diện địa cầu và còn đang cố gắng chinh phục không gian.

Tâm trí con người như đang nở rộng phạm vi chế ngự trên cả thời gian: chế ngự dĩ vãng nhờ sử học, và chế ngự tương lai nhờ dự liệu và tổ chức các kế hoạch. Những khoa học đang tiến bộ như sinh vật học, tâm lý, xã hội, không những giúp con người hiểu biết chính mình hơn, mà còn giúp con người biết lợi dụng những phương pháp kỹ thuật để trực tiếp ảnh hưởng tới đời sống các xã hội. Đồng thời nhân loại mỗi ngày mỗi lưu tâm hơn để tìm cách tiên liệu và giải quyết vấn đề gia tăng dân số.

Chính lịch sử đang tiến bước quá nhanh đến nỗi từng cá nhân riêng rẽ khó lòng theo kịp. Vận mạng cộng đoàn nhân loại trở thành một mà thôi và không còn bị phân tán thành nhiều dòng lịch sử khác nhau nữa. Như vậy từ một quan niệm tĩnh về vũ trụ, nhân loại đã bước sang một quan niệm động và tiến hóa hơn ^{7*}, do đó phát sinh những vấn đề hết sức phức tạp mới mẻ đòi phải có những phân tích và tổng hợp mới.

6. Những biến đổi trong phạm vi xã hội. Cũng vì vậy, các cộng đoàn cổ truyền địa phương, như gia tộc, "thị tộc", bộ lạc, xóm làng, các tập thể khác và các liên hệ trong cộng

đoàn xã hội đều thay đổi mỗi ngày mỗi sâu xa hơn.

Tổ chức xã hội theo khuôn mẫu kỹ nghệ dần dần bành trướng, đưa một số quốc gia tới mức thịnh vượng kinh tế và thay đổi tận gốc rễ những quan niệm và hoàn cảnh đời sống xã hội đã cố định từ lâu đời. Sự ham chuộng theo đuổi đời sống thị thành cũng gia tăng, vì các thành phố càng ngày càng mọc lên nhiều, dân cư càng ngày càng đông, và vì cách sống thị thành đang lan rộng tới cả thôn quê.

Những phương tiện truyền thông mới mẻ và mỗi ngày một thuận tiện hơn giúp con người theo dõi được các biến cố cũng như phổ biến hết sức mau lẹ và rộng rãi những cách cảm nghĩ và suy tư, do đó chúng gây nên nhiều âm hưởng vang dội có liên quan với nhau.

Một hiện tượng không kém quan trọng khác: biết bao người bởi nhiều lý do phải di cư, và vì di cư đã thay đổi cả cách sống.

Do vậy mà những liên hệ của con người với đồng loại không ngừng tăng thêm mãi, đồng thời chính sự "xã hội hóa" ^{8*} lại tạo thêm những liên hệ mới, tuy nhiên, những liên hệ mới ấy không phải lúc nào cũng giúp nhân vị trưởng thành một cách thích hợp, hoặc cổ vũ những liên hệ thực sự người (nhân vị hóa).

Thực vậy, sự tiến hóa ấy phát hiện rõ rệt hơn tại những quốc gia hưởng thụ những tiện nghi kinh tế và kỹ thuật, nhưng sự tiến hóa ấy cũng thúc đẩy các dân tộc còn đang cố gắng tiến lên, vì họ là những người mong mỏi cho xứ sở mình được hưởng ích lợi của nền kỹ nghệ và đô thị hóa. Các dân tộc ấy, nhất là các dân tộc đã bám víu vào những truyền thống cổ kính, đồng thời cảm thấy bị thúc đẩy muốn tự mình xử dụng tự do một cách trưởng thành và hợp nhân vị hơn.

7. Những biến đổi về tâm lý, luân lý và tôn giáo. Sự thay đổi tâm thức và cơ cấu thường làm cho con người bất đồng ý kiến về những giá trị đã được chấp nhận, nhất là nơi những người trẻ là lứa tuổi đôi khi thiếu nhẫn nại; hơn nữa vì lo âu, nên họ mới nổi loạn, và vì ý thức tầm quan trọng của riêng mình trong đời sống xã hội, nên họ mong muốn sớm được dự phần vào đời sống xã hội hơn. Do đó, nhiều khi cha mẹ và các nhà giáo dục càng ngày càng gặp nhiều khó khăn trong việc chu toàn bổn phận.

Các định chế, luật pháp, những lối suy tư và cảm nghĩ của người xưa truyền lại, hình như không phải lúc nào cũng phù hợp với tình thế hiện tại, do đó, có sự xáo trộn trầm trọng trong phương thức và trong cả các tiêu chuẩn hành động.

Sau hết, những hoàn cảnh mới cũng ảnh hưởng tới đời sống tôn giáo. Một phần vì khả năng phán đoán sâu sắc hơn đã thanh lọc khỏi đời sống tôn giáo quan niệm ma thuật về thế giới ^{9*} và những mê tín vẫn còn lan tràn tới ngày nay. Khả năng sâu sắc ấy đòi hỏi đức tin phải được chấp nhận mỗi ngày một thêm cá biệt và linh hoạt; bởi đó, nhiều người đạt được một ý thức sống động hơn về Thiên Chúa. Phần khác, số người lìa xa Thiên Chúa trong cách sống thực tế càng ngày càng đông. Khác với thời xưa, sự từ chối hoặc tránh né đề cập tới Thiên Chúa hay tôn giáo không còn là một hành vi dị thường và có tính cách cá nhân nữa, vì ngày nay, biết bao người coi đó như một đòi hỏi của tiến bộ khoa học ^{10*} hay của nền nhân bản mới ^{11*}. Tại nhiều nơi, quan niệm này không những được diễn tả trong các trường phái triết học, mà còn ảnh hưởng rất nhiều tới văn chương, nghệ thuật, các giải thích của các khoa học nhân văn và sử học, cũng như ảnh hưởng tới cả dân luật khiến cho nhiều người hoang mang.

8. Những chênh lệch trong thế giới ngày nay. Sự biến chuyển quá mau chóng và thường thiếu trật tự, hơn nữa, sự ý thức càng ngày càng bén nhạy hơn về những sự khác biệt hiện có trong thế giới, đó là những yếu tố làm phát sinh hoặc gia tăng nhiều mâu thuẫn và chênh lệch.

Chính nơi con người thường phát sinh sự thiếu quân bình giữa óc thực tế hiện thời và lối suy tư thuyết lý. Lối suy tư này không còn khả năng làm chủ và tổng hợp gọn gàng toàn thể mọi tri thức. Cũng vậy, sự thiếu quân bình hiển hiện giữa những lo âu đạt được hiệu quả cụ thể và những đòi hỏi của lương tâm, và nhiều lúc giữa những cảnh sống tập thể và những điều khẩn thiết cho suy tư cá nhân và nhất là cho sự chiêm niệm. Sau hết là sự chênh lệch giữa sự chuyên biệt hóa các sinh hoạt nhân loại và cái nhìn phổ quát về muôn vật.

Trong gia đình cũng xuất hiện nhiều mâu thuẫn, hoặc do những hoàn cảnh ngột ngạt về dân số, kinh tế, xã hội, hoặc do những khó khăn phát xuất giữa những thế hệ tiếp nối nhau, hoặc do những xã giao mới giữa người nam và nữ.

Ngoài ra còn có những sự khác biệt lớn lao giữa các chủng tộc và kể cả giữa những giai

cấp xã hội khác nhau, giữa những quốc gia cường thịnh và những quốc gia nghèo nàn yếu kém, sau hết giữa những tổ chức quốc tế đã được thiết lập vì sự mong mỏi hòa bình của các dân tộc và tham vọng gieo rắc ý thức hệ riêng cùng những ham hố tập thể hiện hữu trong các quốc gia hoặc các tập thể khác.

Từ đó, phát sinh ngờ vực và thù nghịch nhau, xung đột và thống khổ mà chính con người là nguyên nhân và nạn nhân.

9. Những khát vọng phổ quát hơn của nhân loại. Trong khi đó, người ta thêm xác tín rằng nhân loại không những có thể và phải mỗi ngày mỗi củng cố thêm sự thống trị của mình trên tạo vật mà còn phải thiết lập một trật tự chính trị, xã hội và kinh tế để phục vụ con người ngày đặc lực hơn, giúp mỗi cá nhân, mỗi tập thể khẳng định và trau dồi phẩm giá riêng của mình.

Bởi đó, rất nhiều người đòi hỏi gặt gao những của cải mà họ ý thức mãnh liệt rằng họ bị cướp mất vì bất công hay vì phân chia không đồng đều. Các quốc gia đang trên đường phát triển cũng như các quốc gia mới giành được chủ quyền mong muốn dự phần vào những lợi ích của nền văn minh hiện nay không những trong phạm vi chính trị mà cả trong phạm vi kinh tế nữa, và mong muốn tự do chu toàn vai trò của mình trong thế giới. Tuy nhiên, trong khi ấy, càng ngày càng gia tăng sự cách biệt giữa các quốc gia này, cũng như thường thấy gia tăng sự lệ thuộc cả về phạm vi kinh tế đối với những quốc gia khác giàu mạnh và tiến bộ nhanh hơn. Các dân tộc bị đối khổ hoàn hành đang kêu gọi các dân tộc phồn thịnh hơn. Ở đâu nữ giới chưa được bình quyền với nam giới đều đứng lên đòi hỏi cho mình được bình đẳng trước pháp lý và trên thực tế. Các công nhân và nông gia cũng muốn rằng họ làm việc không những để mưu sống nhưng còn để phát huy những tài năng của con người họ, hơn nữa họ còn muốn tham gia vào việc tổ chức đời sống kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, toàn thể các dân tộc đã xác tín mình có thể và phải thực sự phổ biến những thành quả của văn hóa tới hết mọi dân tộc.

Dưới tất cả những đòi hỏi đó tàng ẩn một ước vọng sâu xa và đại đồng hơn: mọi cá nhân và tập thể đều khao khát một cuộc sống đầy đủ và tự do xứng với con người; để phục vụ cho chính mình, họ muốn chế ngự tất cả những gì thế giới ngày nay có thể cung ứng hết sức dồi dào cho họ. Hơn nữa, các quốc gia vẫn ngày một cố gắng hơn để đạt tới một thứ cộng đoàn đại đồng.

Như vậy, thế giới ngày nay tỏ ra vừa mạnh vừa yếu, có khả năng thực hiện những điều tốt đẹp nhất hoặc xấu xa nhất, đang khi ấy trước mặt nó là con đường dẫn tới tự do hoặc nô lệ, tiến bộ hoặc thoái hóa, huynh đệ hoặc đồ kỵ. Lại nữa, con người đã ý thức được chính họ phải điều khiển cho đúng những năng lực do chính mình tạo nên và đó là những năng lực có thể đề bẹp họ hoặc phục vụ cho họ. Do đó họ phân vân.

10. Những vấn nạn sâu xa hơn của nhân loại. Thực vậy, những chênh lệch dày vò thế giới ngày nay được nối liền với một chênh lệch căn bản hơn phát xuất từ đáy lòng con người. Bởi vì, ngay chính trong con người có nhiều yếu tố xung khắc nhau. Vì một đằng, là tạo vật, con người nhận thấy mình bị giới hạn trong nhiều phương tiện, nhưng đằng khác, lại cảm thấy mình có những khát vọng vô biên và còn cảm thấy được mời gọi tới một cuộc sống cao cả hơn. Bị lôi kéo giữa nhiều quyến rũ, con người luôn bị bó buộc phải lựa chọn một số hoặc loại bỏ một số khác. Hơn nữa, vì yếu đuối và tội lỗi, nhiều khi con người làm điều mình không muốn và không làm được điều mình muốn làm ⁴. Bởi vậy, có sự phân rẽ trong chính con người, từ đó, sinh ra bao nhiêu là bất hòa lớn lao trong xã hội. Thực vậy rất nhiều người vì đời sống thắm nhiễm chủ nghĩa duy vật thực hành nên đã không nhìn nhận rõ ràng thảm trạng ấy, hay ít ra vì lối sống cơ cực đè nặng không cho phép họ nghĩ tới nữa. Đằng khác, dựa vào mớ lý thuyết mà họ đã tìm ra để giải thích vũ trụ, nhiều người tưởng như thế là đủ an tâm. Còn có những người chỉ trông vào nỗ lực của con người mới đem lại cho nhân loại sự giải phóng đích thực và trọn vẹn, và họ xác tín rằng sự thống trị mai hậu của con người trên trái đất sẽ làm mãn nguyện mọi ước vọng của con tim nhân loại. Cũng không thiếu những người thất vọng về ý nghĩa cuộc sống tán dương những kẻ táo bạo nghĩ rằng sự hiện hữu của con người tự nó không mang một ý nghĩa nào nên họ cố gắng dùng nguyên tài năng của mình để tạo nên tất cả ý nghĩa cho sự hiện hữu ấy. Tuy nhiên, trước sự tiến hóa hiện nay của thế giới, càng ngày càng có nhiều người hoặc đặt vấn đề hoặc nhận thức một cách sâu sắc mới mẻ về những vấn đề hết sức căn bản như: con người là gì? Đây là ý nghĩa của đau khổ, sự dữ, cái chết? Sao chúng còn tiếp tục tồn tại mặc dù đã có bao nhiêu tiến bộ? Bao chiến thắng đạt được với một giá đắt ấy có ích gì? Con người có thể đem lại gì cho xã hội và có thể trông đợi gì ở xã hội? Cái gì sẽ tiếp theo sau cuộc sống trần gian này?

Giáo Hội tin rằng Chúa Kitô đã chết và đã sống lại cho mọi người ⁵. Vì thế qua Thánh Thần của Người, Người ban cho con người ánh sáng và sức mạnh để con người có thể đáp lại thiên chức cao cả của mình. Giáo Hội cũng tin rằng dưới bầu trời này chẳng còn danh hiệu nào khác được ban cho loài người để loài người phải nhờ đó mà được cứu rỗi ⁶. Cũng thế, Giáo Hội tin rằng đầu mối, trung tâm và cùng đích của toàn thể lịch sử nhân loại đều ở trong Đức Kitô là Chúa và là Thầy của Giáo Hội. Hơn nữa, Giáo Hội còn xác nhận rằng qua mọi thay đổi, có nhiều điều vẫn không đổi thay vì nền tảng cuối cùng của những điều không thay đổi này là Chúa Kitô, Đấng hôm qua, hôm nay và mãi mãi ⁷. Vậy dưới ánh sáng Chúa Kitô, Hình Ảnh của Thiên Chúa vô hình, Trưởng Tử giữa mọi thụ sinh ⁸, Công Đồng muốn nói với mọi người để làm sáng tỏ mầu nhiệm về con người và để cùng nhau tìm giải đáp cho những vấn đề chính yếu của thời đại chúng ta.

Chú Thích:

4* Công Đồng mời gọi ta cùng tìm hiểu thế giới hiện đại (số 4a) để ta có thể đối thoại với nó và đem ánh sáng Chúa Kitô chiếu dọi các vấn đề của nó (số 10b). Vì thế Công Đồng:

1) Kể lại những sự kiện tương phản với nhau: trạng thái thừa thãi và đói khát; tiến bộ và mù chữ; khát vọng tự do và nhiều thứ nô lệ; khát vọng hiệp nhất và vô số chia rẽ cũng như tư tưởng hỗn độn; tiến bộ kỹ thuật, văn hóa và tinh thần không tương hợp với nhau (số 4).

2) Những thay đổi thuộc về:

a) Cơ cấu về trí óc: vì ảnh hưởng do khoa học và kỹ thuật gây nên; vì được biết lịch sử rộng hơn, cũng như vì phép dự liệu và thuật kế hoạch; vì nhận thấy con người bắt đầu có quyền trên đời mình cũng như trên lịch sử. Quan niệm tĩnh ngày xưa chuyển thành quan niệm động (số 5).

b) Cơ cấu xã hội: nếp sống cổ điển biến mất; có những hiện tượng mới như kỹ nghệ hóa, thành thị hóa, các phương tiện truyền thông xã hội, những cuộc di cư, sự xã hội hóa (số 6).

3) Bởi đó đặt vấn đề theo cách mới:

a) Về tôn giáo: Giới thanh niên phản đối, lạc hướng; tinh thần phê bình; lối sống bỏ đạo thực hành; tuyên xưng vô thần (số 7).

b) Về cá nhân: vì những phán đoán thiếu quân bình, vì những xung đột giữa lương tâm và trí óc trong việc đi tìm kết quả thực tiễn giữa nhu cầu chuyên môn và một quan niệm tổng quát về vũ trụ.

c) Về gia đình: vì vấn đề dân số, khó khăn kinh tế xã hội, những khác biệt giữa các thế hệ, những liên quan mới giữa nam giới và nữ giới.

d) Về quốc gia: vì những sự khác nhau giữa các chủng tộc, các giai cấp; giàu có và nghèo khổ; vì những lý thuyết ảnh hưởng các phong trào hòa bình (số 8).

4) Nguyên vọng mới: vì con người ý thức về quyền thế mình, nhận thấy rằng có thể đòi hỏi tham gia vào những thành quả của văn minh và cảm thấy có quyền sống đầy đủ và xứng hợp với bản tính con người.

5* Đức Gioan XXIII, đã dựa theo Mt 16,4 và Lc 21,7 để dùng câu này trong thông điệp *Pacem in Terris*, và sau đó câu này trở thành một biểu ngữ cho việc canh tân Giáo Hội. Trong số 11a Công Đồng lại diễn tả thái độ dò xét thời điểm này.

6* Ta phải chú ý rất kỹ đến câu quả quyết quan trọng này (xem lại trong số 54a). Đặc biệt tất cả những ai có trách nhiệm giáo dục lớp trẻ phải suy xét lại rằng: cố gắng tiếp tục sống theo nếp cũ trong "giai đoạn mới của lịch sử" tất nhiên là lỗi thời.

7* Công Đồng muốn nói rằng, thời xưa (và gần đây) người ta coi những thực tại nhân loại là vững bền và ít thay đổi. Ví dụ các luật trong lãnh vực pháp lý, những tổ chức gia đình, làng xóm, đô thị trong lãnh vực xã hội; những nhu cầu của dân chúng trong lãnh vực kinh tế, v.v... Qua bốn thế kỷ vừa qua chưa có những thay đổi trong phụng vụ Thánh Lễ!... Nhưng ngày nay thì khác hẳn. Người ta không còn thích coi lãnh vực nào là bất di dịch nữa. Ngày nay con người dễ tỏ lòng nghi ngờ khi người ta nại vào những nguyên tắc bất biến hay là dựa trên quan niệm cổ điển để giải thích các vấn đề. Hiện nay người ta không còn tin như xưa rằng lịch sử là "thầy dạy cho cuộc sống", hay ít ra cũng không phải theo cùng một quan niệm như xưa.

8* Thông điệp *Mater et Magister* của Đức Gioan XXIII diễn tả hiện tượng "đời sống xã

hội" này và Công Đồng (số 25b) trích lại lời đó. Dĩ nhiên đó là hiện tượng mới trong xã hội kỹ nghệ Âu Mỹ. Trong xã hội nông thôn Á Đông, nó đã có từ nghìn xưa (dù dưới hình thức khác), đến nỗi nhiều khi gây ra nguy hại cho quyền tự do cá nhân (xem Phaolô VI, *Populorum progressio*, số 36). Hiện tượng này không phải đồng hóa với xã hội chủ nghĩa đã bị Giáo Hội lên án nhiều lần (đặc biệt trong Tđ. *Quadragesimo Anno* của Đức Piô XI, năm 1931). Sau đó chính xã hội chủ nghĩa đã biến đổi không ít. Sự kiện xã hội hóa có thể sa vào những chỗ nguy hại như Công Đồng nhắc lại trong đoạn này, nhưng cũng có thể đem lại kết quả tốt đẹp: ngoài sự phát triển vật chất, có thể giúp để thỏa mãn nhiều quyền lợi căn bản của con người như về giáo dục, đào tạo nghề nghiệp, sự cứu trợ xã hội, cứu trợ y khoa, về hoàn cảnh làm việc, nhà ở, v.v... (Xem MV 25a và 42c).

9* Vì thiếu óc khoa học, giới bình dân tin tưởng vào những sức lực vô hình do những quỉ thần nào đó gây nên để giải thích hiện tượng thiên nhiên. Nhờ những nghi lễ lạ lùng và huyền bí cổ định từ ngàn xưa truyền lại, họ tìm cách gây ảnh hưởng trên những ma lực đó (x.33a).

Tin tưởng vào số tử vi cũng phải được coi như một hành thức biểu thị quan niệm phù phép.

Đây là quan niệm rất tai hại cho đức tin, vì quyền tự do, lòng yêu mến Thiên Chúa là Đấng hiểu biết và âu yếm điều khiển đời ta, chẳng chiếm chỗ nào trong quan niệm đó.

10* Những quốc gia tân tiến hơn (Hoa Kỳ, Nga Sô, Thụy Điển...) lại chẳng phải là những nước bỏ đạo nhiều hơn sao! Giới trí thức, không kể giới bác học cũng không phải như thế sao! Nhiều khi người ta nghe nói như vậy. Thực sự nhiều khi người trí thức học sâu về khoa học trong khi lại quên phát triển những điều học hỏi về tôn giáo lúc còn bé. Trường hợp như thế dễ mất đức tin, nhưng không được nói rằng đó là đòi hỏi của khoa học!

11* Trong số 9c và 10a, Công Đồng tóm tắt ý nghĩa đại khái của những hình thức nhân bản chủ nghĩa khác nhau: nhân bản dân chủ mong ước giải thoát con người khỏi mọi trạng thái hỗn độn nhờ giáo dục, kỹ thuật, quyền tự do... không cần đến Thiên Chúa, tôn giáo, và chủ trương tự sức mình, con người sẽ đạt tới hạnh phúc... Nhân bản khoa học, một cách tương tự, chủ trương con người tìm được tất cả các câu trả lời nơi khoa học và không cần biết đến thực tại về tội lỗi và nguồn gốc tội lỗi nơi con người, thực tại về công cuộc cứu chuộc của Đấng Cứu Thế, v.v... Nhân bản Mác xít đánh giá việc làm như giá trị duy nhất của con người. Nhờ đảng điều khiển, con người sẽ xây dựng thế giới và xã hội mới, loại trừ mọi bất công. Tôn giáo là một dụng cụ của các chế độ tư bản dĩ nhiên sẽ biến mất. Nhân bản Quốc gia: đã chiếm được độc lập thì phải tự trị để phát triển đầy đủ không chấp nhận bất cứ hình thức đế quốc nào nữa, mà tôn giáo chẳng phải là một thứ đế quốc văn hóa sao? Nhân bản hiện sinh chủ trương rằng đời sống là phi lý. Từ con số không, con người đang đi tới con số không nữa. Chỉ cần lòng can đảm để tự tạo ý nghĩa cho đời mình, và tạo nên một thế giới tiện nghi hơn cho con cháu (xem số 10a).

4 Xem Rm 7,14tt.

5 Xem 2Cor 5,15.

6 Xem CvTđ 4,12.

7 Xem Dth 13,8.

8 Xem Col 1,15.

(còn tiếp)

VỀ MỤC LỤC

MẸ MARIA MẪU GƯƠNG CÁC GIA ĐÌNH

-

Chiêm ngắm khuôn mặt Mẹ Maria, chúng ta sẽ khám phá được những đường nét tuyệt vời, đáng cho chúng ta, dù ở đẳng bậc nào, cũng có thể noi theo và bắt chước. Thực vậy :

* Mẹ là khuôn mẫu cho mọi người : "Như thế, nhờ lời cầu bầu của Đức Trinh Nữ Maria rất dịu hiền, mẹ Thiên Chúa, mà cuộc đời của Mẹ là khuôn mẫu cho mọi người." (PC 25).

* Mẹ là khuôn mẫu cho các người phụ nữ : "Rồi Thiên Chúa lại bày tỏ phẩm giá của người nữ cách cao cả hết sức có thể khi chính Ngài mặc lấy xác thịt từ Đức Trinh Nữ Maria,

mà Hội Thánh tôn kính như Mẹ Thiên Chúa, gọi Mẹ là Evà mới và giới thiệu Mẹ như là kiểu mẫu của người nữ đã được cứu chuộc.” (CF 22).

* Mẹ là khuôn mẫu của các linh mục : “Các ngài luôn tìm thấy gương mẫu lạ lùng về sự dễ vâng phục đó nơi Đức Trinh Nữ Maria, người được Chúa Thánh Thần dẫn dắt đã hiến toàn thân cho mẫu nhiệm cứu chuộc loài người; các linh mục phải lấy lòng con thảo thành kính tôn sùng và mến yêu Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ của Linh Mục Thượng Phẩm vĩnh viễn, là Nữ Vương các Tông đồ và là Đấng bảo trợ thừa tác vụ linh mục.” (PO 18).

* Mẹ là khuôn mẫu của người tông đồ : “Gương mẫu hoàn hảo của đời sống thiêng liêng và đời sống tông đồ ấy chính là Đức Trinh Nữ Maria, Nữ Vương các Tông đồ : khi sống ở trần gian, Người đã sống cuộc đời như mọi người, vất vả lo lắng cho gia đình, nhưng luôn kết hiệp mật thiết với Con mình và đã cộng tác vào công việc của Đấng Cứu Thế một cách riêng biệt.”(AA 4).

* Mẹ là khuôn mẫu của các gia đình. Đây chính là đề tài chúng ta cùng nhau tìm hiểu để kết thúc cho tuần tĩnh tâm năm nay. Trong việc trình bày đề tài này, chúng ta có thể lần theo những sự kiện xảy đến trong cuộc đời của Mẹ, từ khi thiên thần truyền tin cho tới ngày Chúa Thánh Thần hiện xuống, dừng lại trước mỗi sự kiện, suy gẫm và rút ra những bài học cụ thể, áp dụng vào lãnh vực gia đình Kitô hữu. Tuy nhiên cách trình bày này xem ra có vẻ rời rạc, dài dòng và sẽ không đủ thời gian, bởi vì mỗi sự kiện phải là một bài riêng biệt, nếu muốn tìm hiểu tương đối cặn kẽ.

Vì thế, tôi xin mượn những ý tưởng của Đức Thánh Cha Phaolô VI trong tông huấn “Marialis Cultus” để trình bày. Thực vậy, trong chương I, tiết 2 của tông huấn, chúng ta tìm thấy nơi Mẹ mẫu gương cho Giáo hội về cách tôn thờ Chúa. Tông huấn viết :

- “Đức Maria làm gương cho Giáo hội về thái độ tinh thần phải có, khi cử hành và sống các mầu nhiệm. Trong lãnh vực này, Đức Maria phải được coi là mẫu gương cao đẹp nhất của Giáo hội trong vấn đề đức tin, đức ái và hoàn toàn kết hợp với Chúa Kitô, tức gương mẫu của một nội tâm hướng dẫn Giáo hội.” (MC 16).

Tông huấn đã đưa ra bốn nét đặc sắc về Mẹ. Bốn nét đặc sắc này, cũng có thể được áp dụng vào lãnh vực gia đình, để thấy được rằng Mẹ chính là mẫu gương cho gia đình các tín hữu.

1- MẸ LÀ TRINH NỮ LẮNG NGHE, “VIRGO AUDIENS”

Tông huấn viết :

- “Thực vậy, sau khi nghe sứ thần giải đáp thắc mắc (Lc 1,34-37), tin tưởng hoàn toàn, Mẹ đã thưa : Nay tôi là tôi tá Chúa, tôi xin vâng như lời sứ thần truyền (Lc 1,38), Mẹ đã hoài thai Chúa Giêsu trong tâm hồn trước khi mang Ngài trong dạ. Đối với Mẹ, đức tin sinh hạnh phúc và nguồn bảo đảm cho lời hứa được thể hiện “Phúc cho Bà vì đã tin lời Chúa phán cùng Bà sẽ được thực hiện (Lc 1,45). Và cũng với đức tin khi Mẹ đóng vai chính làm nhân chứng đặc biệt của việc Nhập thể, Mẹ hồi tưởng những biến cố xảy ra lúc Chúa còn bé và để hết tâm suy nghĩ (Lc 2,19.51).” (MC 17).

Đọc lại Phúc âm chúng ta có cảm tưởng như Mẹ luôn tinh lặng để lắng nghe tiếng Chúa :

- Qua Kinh thánh : Chắc hẳn Mẹ luôn đọc và suy gẫm lời Chúa trong các sách Cựu ước trong thời gian sống tại đền thờ cũng như trong suốt cả cuộc đời, vì thế mỗi lời Mẹ nói đều phảng phất tinh thần của Kinh thánh.

- Qua các biến cố xảy đến trong cuộc sống như : biến cố truyền tin, thăm viếng, dâng Chúa trong đền thờ, tiệc cưới Cana, dưới chân cây thập giá....

- Cũng như qua những sứ giả được Chúa sai đến như : sứ thần Gabriel, các mục đồng, ba nhà đạo sĩ phương đông, ông già Simêon...

Thái độ tinh lặng và lắng nghe tiếng Chúa cũng là một thái độ cần thiết cho cuộc sống

gia đình Kitô hữu.

Trước hết, chúng ta cần phải lắng nghe tiếng Chúa qua Kinh thánh.

Trong đời sống, chúng ta thấy có những cuốn sách được coi như là tiêu chuẩn hướng dẫn cho hành động. Chẳng hạn Tứ thư, Ngũ kinh của Khổng Tử. Ngày xưa các cụ đồ hể mở miệng ra là nói : Khổng viết... Đức Thánh dạy rằng... Các cậu học trò, từ khi nhập môn đã ê a : Nhân chi sơ tính bản thiện. Lớn lên, khi bước xuống cuộc đời họ đều giải quyết mọi vấn đề theo tinh thần Khổng Mạnh : nào nhập thế, nào tri thiên mệnh, nào xuất thế...

Đối với người Kitô hữu, chúng ta cũng có một cuốn sách gối đầu giường, qua đó tìm thấy những khuôn vàng thước ngọc, những tiêu chuẩn hướng dẫn đời sống của chúng ta. Vậy cuốn sách ấy là gì ? Tôi xin thưa : Đó là cuốn Kinh Thánh, một cuốn sách bởi trời, một cuốn sách của Thiên Chúa. Đúng thế, Kinh Thánh là cuốn sách bởi trời, nói cách khác là chúc thư của Thiên Chúa, qua đó Ngài hé mở cho chúng ta những chân lý siêu nhiên, Ngài tỏ lộ cho chúng ta những tiêu chuẩn của đời sống luân lý và đạo đức.

Thế nhưng, cho tới ngày hôm nay, Kinh thánh vốn còn rất xa lạ đối với nhiều gia đình Việt Nam. Vì thế, đức tin của họ có phần ấu trĩ, nông cạn, hời hợt và nặng phần tình cảm. Vậy đối với lời Chúa, chúng ta phải có thái độ nào ? Xin thưa, chúng ta phải lắng nghe, suy gẫm và thực thi lời Chúa trong cuộc sống của mình như Mẹ Maria ngày xưa.

Trong một cuộc hội thảo về Kinh thánh, người ta đã đưa ra những ưu điểm và khuyết điểm của những bản dịch, giữa lúc ấy, một chàng sinh viên giơ tay xin phát biểu :

- Tôi xin góp một bản.

Mọi người đều ngơ ngác nhìn, vì anh ta không phải một chuyên viên. Thế nhưng, anh ta đã mỉm cười và trả lời :

-Bản dịch Kinh Thánh tuyệt hảo nhất mà hiện giờ tôi đang có, chính là mẹ tôi. Vì qua đời sống của bà, tôi thấy được từng câu, từng chữ của Kinh Thánh.

Điều quan trọng là mỗi người trong gia đình cần phải lắng nghe, suy gẫm và tìm lấy trong Kinh thánh những tiêu chuẩn hướng dẫn cho cuộc sống của mình.

Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô cũng nhấn nhủ :

- "Ngoài kinh nguyện sáng tối, các gia đình cũng được tha thiết khuyên bảo và cũng là điều phù hợp với những chỉ dẫn của các nghị phụ Thượng Hội Đồng Giám Mục, nên đọc và suy niệm lời Chúa..." (CF 61).

Tiếp đến, chúng ta cần phải lắng nghe tiếng Chúa qua những biến cố xảy đến.

Thiên Chúa không phải chỉ nói với chúng ta qua lời Ngài trong Kinh thánh, mà còn nói với chúng ta qua các biến cố xảy ra trên thế giới cũng như trong cuộc sống của mỗi người, chính vì thế, Công đồng muốn chúng ta :

- "Phải tìm hiểu tường tận những dấu chỉ thời đại và giải thích dưới ánh sáng Phúc âm." (GS 4).

Bởi vậy, đứng trước mỗi biến cố, chúng ta phải tự hỏi :

- Chúa muốn nói gì với tôi, Chúa muốn tôi phải làm gì ?

Nhờ đó chúng ta sẽ nhận ra thánh ý Chúa và cố gắng chu toàn, để luôn bước đi trên đường nẻo của Chúa.

Sau cùng, chúng ta cần phải lắng nghe tiếng Chúa qua những người chung quanh, nhất là những người cùng sống với chúng ta dưới mái ấm gia đình.

Một trong những nguyên nhân gây nên bất hòa và đổ vỡ trong gia đình, đó là chúng ta không biết lắng nghe. Ai cũng muốn cho mình là đúng và bắt người khác phải chấp nhận những phán quyết vừa độc tài, vừa độc đoán của mình theo kiểu "cả vú lấp miệng em". Vì

thế, tức nước vỡ bờ, sự chịu đựng nào cũng có giới hạn của nó, tới một lúc nào đó “chiến tranh” sẽ bùng nổ và hủy hoại bầu khí yêu thương trong gia đình.

Bởi vậy, cần phải biết bình tĩnh lắng nghe, ghi nhận những ý kiến của người khác, rồi sau đó tìm phương cách hòa giải, để gia đình lúc nào cũng được hòa thuận và êm ấm.

2- MẸ LÀ TRINH NỮ NGUYỆN CẦU, “VIRGO ORANS”

Tông huấn viết :

- “Khi thăm viếng bà Elisabeth, Mẹ đã tỏ lòng tri ân Thiên Chúa, tác phẩm “Magnificat” diễn tả sự hạ mình, tin cậy của Mẹ (Lc 1,46-55), lời kinh hay nhất của Mẹ, tiếng hát của thời đại mong chờ Đấng Cứu Thế bao gồm sự phấn khởi của Israel...Trinh nữ nguyện cầu là hình ảnh của Mẹ ở tiệc cưới Cana, trình bày cho Chúa Con sự kiện nhà thiếu rượu, tế nhị van xin Ngài, Mẹ đã nhận được kết quả của trật tự ân sủng, nghĩa là : Chúa Giêsu làm phép lạ đầu tiên để các môn đệ vững tin nơi Ngài. Đoạn cuối viết về Mẹ, ta thấy Mẹ cầu nguyện. Các Tông đồ hợp ý chuyên cần cầu nguyện với các anh em và vài phụ nữ, trong đó có Maria, Mẹ Chúa Giêsu (TĐCV 1,14)...” (MC 18).

Qua Tin mừng, chúng ta nhận thấy dường như Mẹ sống tinh thần cầu nguyện ở mọi nơi và trong mọi lúc. Thật vậy, Mẹ luôn kết hiệp với Chúa qua từng chặng đường, qua từng biến cố của cuộc đời và dâng lên Ngài những tâm tình cầu nguyện của mình.

Sống tinh thần cầu nguyện cũng là điều cần thiết cho mỗi gia đình.

Thực vậy, Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II đã xác quyết như sau :

- “Kinh nguyện gia đình có những đặc tính riêng. Đó là kinh nguyện chung : vợ chồng cùng cầu nguyện với nhau, cha mẹ và con cái cùng cầu nguyện với nhau. Sự hiệp thông trong kinh nguyện vừa là hoa quả vừa là đòi hỏi của sự hiệp thông mà các bí tích Rửa tội và Hôn phối đã đem lại. Các gia đình Kitô hữu có thể áp dụng được cho mình một cách đặc biệt những lời hứa hẹn của Chúa Giêsu : Quả thật Ta bảo các con : nếu dưới đất hai người trong các con đồng thanh xin về bất cứ việc gì, thì Cha Ta, Đấng ngự trên trời, sẽ ban cho. Vì đâu có hai, ba người họp lại nhân danh Ta, thì có Ta ở đó, giữa họ.” (CF 58).

Hơn thế nữa, kinh nguyện trong gia đình còn là những lời kinh nguyện xuất phát từ lòng cuộc đời :

- “Kinh nguyện đang có nội dung độc đáo là chính cuộc sống gia đình. Qua những cảnh huống khác nhau, cuộc sống này được diễn giải như một ơn gọi từ Thiên Chúa mà đến và được thực hiện như một câu trả lời hiếu thảo cho tiếng gọi ấy : vui mừng và cực nhọc, hy vọng và u buồn, ngày kinh và ngày kỷ niệm chu niên, kỷ niệm ngày cưới của cha mẹ, những chuyến xa nhà trở về, những lựa chọn quan trọng và quyết liệt, cái chết của người thân yêu... đều là những dấu hiệu ưu ái của Thiên Chúa trong cuộc sống gia đình; những biến cố ấy cũng phải trở thành những lúc thuận tiện cho lời tạ ơn, khẩn nguyện, cho sự tin tưởng phó thác của gia đình trong bàn tay Cha chung trên trời.” (CF 59).

Nhờ sự cầu nguyện, chúng ta sẽ kín múc được nguồn sinh lực giúp chúng ta chu toàn được những bổn phận của mình :

- “Không bao giờ được quên rằng kinh nguyện là phần thiết yếu của đời sống Kitô hữu... Kinh nguyện không hề biểu hiện một sự chạy trốn các trách nhiệm thường ngày, nhưng chính là sức đẩy mãnh liệt đưa gia đình Kitô hữu đến chỗ đảm nhận trách việc trở nên tế bào đầu tiên và căn bản của xã hội nhân loại.” (CF 62).

Để sống tinh thần một cách cụ thể, thiết tưởng mỗi gia đình nên tổ chức giờ kinh tối của mình sao cho sống động, bởi vì như Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận đã viết :

- Đó là những giây phút linh thiêng, trong đó cha mẹ, vợ chồng, con cái cùng quây quần bên nhau và cùng nhau quây quần bên Chúa, sẽ là một liều thuốc thần diệu, hàn gắn những đổ vỡ có thể xảy ra.

Trong những giây phút linh thiêng ấy, như Mẹ với lời kinh Magnificat, gia đình chúng ta hãy cảm tạ và ngợi khen Chúa. Như Mẹ với lời van xin tại tiệc cưới Cana, chúng ta hãy cầu xin Chúa ban những ơn lành hồn xác xuống cho những người thân yêu... Và cũng như Mẹ, hãy sống tinh thần cầu nguyện trong từng biến cố vui buồn xảy đến cho gia đình chúng ta.

3- MẸ LÀ TRINH NỮ SINH CON, "VIRGO PARIENS"

Tông huấn viết :

- "Vì tin và vâng phục, Mẹ đã hạ sinh Con Chúa Cha, bởi phép Chúa Thánh Thần." (MC 19).

Nhìn vào Mẹ, chúng ta tìm thấy một mẫu gương lý tưởng cho người Kitô hữu. Vậy người Kitô hữu là gì nếu không phải là người có Đức Kitô trong tâm hồn và đem Đức Kitô đến cho những người chung quanh. Với lời xin vâng trong hoạt cảnh truyền tin, Mẹ là người đầu tiên được điểm phúc cứu mang Chúa trong cõi lòng. Mẹ là người đầu tiên thực sự có Chúa trong tâm hồn của mình. Sau đó, bằng hành động thăm viếng, Mẹ đã đem Chúa đến cho gia đình bà Elisabeth, cũng như tại Bêlem, Mẹ đã sinh Chúa cho nhân loại.

Là người Kitô hữu, chúng ta cũng phải có Chúa trong tâm hồn bằng một cuộc sống đạo đức và thánh thiện, ra sức khử trừ tội lỗi. Đồng thời cũng phải đem Chúa đến cho những người chung quanh bằng một cuộc sống ngập tràn tình bác ái yêu thương.

Riêng trong phạm vi gia đình, chúng ta hãy noi gương bắt chước Mẹ, là Trinh Nữ sinh con "Virgo Pariens". Như chúng ta cũng đã biết : một trong hai mục đích chính của hôn nhân đó là sinh sản con cái như lời Chúa đã phán :

- "Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất." (St 1,28).

Ngày nay, với nỗi trăn trở sợ hãi về sự bùng nổ dân số, với nỗi âu lo về một tương lai bấp bênh, người ta không muốn sinh con, thậm chí còn coi con cái như một gánh nặng cần phải loại trừ. Vì thế không lạ gì khi thấy con số những trường hợp phá thai tại Việt Nam không ngừng gia tăng, phỏng đoán khoảng một triệu rưỡi mỗi năm!

Trong khi đó, tình mẫu tử nhân loại của Mẹ đạt đến thành tựu vĩ đại nhất khi cứu mang và sinh hạ Chúa Giêsu. Từ giây phút được truyền tin, Mẹ đã là chén thánh sống động chứa đựng Con Thiên Chúa làm người. Theo truyền thống dân tộc mình, Mẹ tin nhận chính Thiên Chúa là Đấng ban sự sống và chăm sóc sự phát triển : "Cũng như người không biết hướng đi của gió hay các sự bí nhiệm nơi một bà mẹ mang thai, người càng không biết việc của Thiên Chúa, Đấng làm nên mọi sự." (Gv 11,5, Thiên Chúa 139,13, 2Mcb 7,22).

Thái độ tôn trọng sự sống con người ngay từ trong trứng nước đi liền với sự hiểu biết và sử dụng tình dục đúng đắn. Các tín hữu, theo gương Mẹ, sẽ coi hành vi phá thai cũng đáng ghê tởm như hành vi tàn sát các hài nhi vô tội trong Phúc âm thánh Matthêu. Đồng thời, họ sẽ nhận ra lời bà Elisabeth nói với Mẹ : Người con em đang cứu mang cũng được chúc phúc (Lc 1,43), vẫn luôn xác thực đối với từng bào thai. (Từ Điển Đức Mẹ).

Tuy nhiên, là cha mẹ, chúng ta không phải chỉ sinh ra con cái trong đời sống thể xác, mà còn phải sinh ra con cái trong đời sống ơn sủng, trong đời sống thiêng liêng, đời sống người con cái Chúa, nhờ các bí tích của Giáo hội, cũng như nhờ việc giáo dục của mình như Công đồng trong sắc lệnh "Gravissimum Educationis" về giáo dục Kitô giáo đã viết :

- "Vì là người truyền sự sống cho con cái, nên cha mẹ có bốn phận hết sức quan trọng là giáo dục chúng và vì thế họ được coi là những nhà giáo dục đầu tiên và chính yếu của chúng. Vai trò giáo dục này quan trọng đến nỗi nếu thiếu sót thì khó lòng bổ khuyết được... Nhưng đặc biệt trong gia đình Kitô giáo, vì đã lãnh nhận ân sủng cũng như bốn phận của bí tích Hôn phối, nên cha mẹ phải dạy dỗ con cái ngay từ nhỏ, để chúng nhận biết và kính thờ Thiên Chúa cùng yêu mến tha nhân theo đức tin chúng đã lãnh nhận khi chịu phép Rửa tội..." (GE 3)

Và phương thế hữu hiệu nhất để giáo dục con cái chính là đời sống gương mẫu của cha

mẹ, bởi vì :

- Lời nói như gió lung lay,
Việc làm như tay lôi kéo.

Đức Thánh Cha cũng đã khẳng định :

- "Gương sống cụ thể, chứng tá sống động của cha mẹ, là yếu tố căn bản và không thể thay thế được trong việc giáo dục..." (CF 60).

Kinh nghiệm cho thấy chính đời sống gương mẫu của cha mẹ mới là một bài giảng hùng hồn nhất, có sức lôi cuốn con cái đến cùng Chúa.

MẸ LÀ TRINH NỮ HIỂN DÂNG, "VIRGO OFFERANS" _

Tông huấn viết :

- "Qua việc dâng Chúa Giêsu vào đền thánh (Lc 2,23-35), Giáo hội do Thánh Linh dẫn dắt, đã gặp màu nhiệm cứu rỗi liên hệ đến lịch sử cứu rỗi qua việc Mẹ tuân giữ luật dâng con trai đầu lòng (Xã hội 13,11-16) và nghi thức thanh tẩy cho người mẹ (Lv 12,6-8)...Giáo hội chứng kiến ơn cứu chuộc cho mọi người được công bố, khi cụ Simêon kính chào ánh sáng để soi muôn dân và vinh quang cho Israel ở nơi con trẻ (Lc 2,32)...Sự hợp tác giữa Mẹ và Con trong công cuộc cứu rỗi đã đạt tới tuyệt đỉnh trên đồi Canvê, nơi Đức Kitô đã tự hiến tế như của lễ tinh tuyền cho Thiên Chúa, và cũng tại đây Mẹ đứng kề Thánh giá đau đớn dẫn dắt Con Một, lấy tình mẹ mà hợp tác sự hiến tế của Con, yêu thương chấp nhận sự hiến tế hy lễ được hạ sinh do thân xác Mẹ và Mẹ cũng hiến dâng chính mình cho Chúa Cha hằng hữu." (MC 20).

Dựa vào Tin mừng cũng nhau dựa vào Truyền thống, chúng ta thấy Mẹ đã sống tinh thần hiến dâng qua nhiều biến cố cuộc đời. Thực vậy, theo Truyền thống, thì năm lên ba, Mẹ đã được dâng hiến vào đền thờ và ở lại đó một thời gian để học hỏi Kinh thánh và cũng chính trong thời gian ấy, Mẹ đã khấn giữ mình đồng trinh, một nhân đức rất ít người bấy giờ tuân giữ.

Tâm tình dâng hiến này được biểu lộ một cách rõ rệt nhất qua lời xin vâng của Mẹ trong hoạt cảnh truyền tin. Mẹ đã dâng hiến cõi lòng mình cho Ngôi Lời nhập thể. Mẹ đã cộng tác với Thiên Chúa để cứu độ mình và cứu độ nhân loại. Đây là một hành vi dâng hiến tuyệt vời, đầy đủ và trọn vẹn nhất, Vì thế chúng ta cũng có thể gọi Mẹ là Trinh Nữ xin vâng, "Virgo Obediens". Lời xin vâng này đã đưa Mẹ vào một khúc quanh mới và chi phối toàn bộ cuộc đời Mẹ, để rồi ở mọi nơi và trong mọi lúc, Mẹ đều xin vâng hầu chu toàn thánh ý Thiên Chúa : Xin vâng trước sự khó nghèo của máng cỏ Bêlem, xin vâng trong cảnh vất vưởng nơi đất khách quê người bên Ai cập, xin vâng với cuộc sống âm thầm và lam lũ tại xưởng thợ Nagiarét...

Tin mừng cũng kể lại : Khi đã đến ngày lễ thanh tẩy, Mẹ cùng với Thánh Giu-se đem hài nhi Giêsu lên Giê-ru-sa-lem, để tiến dâng cho Chúa, như đã chép trong Luật Chúa rằng : "Mọi con trai đầu lòng phải được gọi là của thánh, dành cho Chúa", và cũng để dâng của lễ theo Luật Chúa truyền, là một đôi chim gáy hay một cặp bồ câu non...(Lc 2:22-28). Và cũng tại đây, Mẹ đã đón nhận lời tiên báo của ông già Simêon về một tương lai không mấy sáng sủa đang chờ đón Mẹ.

Thế nhưng, cao điểm của tâm tình hiến dâng cũng như của lời xin vâng, đó là khi Mẹ đứng dưới chân thập giá, kết hiệp những khổ đau của mình với những đau khổ của Chúa Giêsu, để lập nên kho tàng ơn cứu độ cho nhân loại và chúng ta cũng có thể nói được rằng : Mẹ đã cứu mang chúng ta bằng lời xin vâng trong hoạt cảnh truyền tin và Mẹ đã sinh chúng ta ra trong những đau khổ của thập giá.

Mẹ là Trinh nữ hiến dâng, bởi vì Mẹ đã hoàn toàn để cho Chúa được hoạt động nơi bản thân và trong cuộc đời của Mẹ.

Với chúng ta cũng vậy. Đau khổ dường như là một cái gì gắn liền với thân phận con người

:

- Thoạt sinh ra thì đã khóc chóc,
Đời có vui sao chẳng cười khì.

Giáo lý nhà Phật đã diễn tả :

- Đời là bể khổ mà mỗi người chúng ta là như một cánh bèo trôi dạt trên đó.

Và trong kinh Lạy Nữ Vương chúng ta vốn thường đọc :

- Chúng con ở nơi khóc lóc than thở...

Hay như một câu danh ngôn cũng đã nói :

- Bông hồng nào mà chẳng có gai, cuộc đời nào mà chẳng có những đắng cay chua xót của nó.

Và cuộc sống gia đình cũng không thoát khỏi cái định luật chung ấy. Làm sao chúng ta có thể kể hết những khổ đau trong nếp sống lứa đôi, xuất phát từ việc chúng ta chu toàn bốn phận làm vợ làm chồng, cũng như bốn phận làm cha làm mẹ. Thật đúng như lời Công đồng đã xác quyết :

- “Để có thể kiên trì chu toàn nghĩa vụ ơn gọi làm người Kitô hữu như thế, tức là sống đời vợ chồng, cần phải có một nhân đức phi thường. Chính vì thế mà vợ chồng được ơn Chúa củng cố để sống thánh thiện sẽ ân cần nuôi dưỡng và cầu xin cho được một tình yêu kiên vững, một tâm hồn đại lượng và tinh thần hy sinh”. (GS 49).

Vì thế, chúng ta cần phải noi gương Mẹ sống tâm tình hiến dâng bằng cách :

*** Cộng tác với Chúa trong công cuộc cứu rỗi bản thân và những người thân yêu.**

Thánh Augustinô đã nói :

- Khi tạo dựng nên chúng ta, Chúa không cần hỏi ý kiến chúng ta. Nhưng để cứu rỗi chúng ta, Chúa cần chúng ta ưng thuận và cộng tác với Ngài.

Sự cộng tác của chúng ta tuy nhỏ bé nhưng lại rất cần thiết bởi vì Ngài sẽ không thể cứu rỗi chúng ta, nếu như chúng ta không muốn. Như Mẹ, chúng ta hãy để cho Chúa hoạt động nơi bản thân và trong cuộc đời chúng ta.

*** Xin vâng theo thánh ý Chúa trong mọi hoàn cảnh, chấp** nhận những hy sinh gian khổ của cuộc sống lứa đôi, bởi vì chính những hy sinh gian khổ này sẽ kết thành cây thập giá đời thường Chúa muốn chúng ta vác lấy để bước theo Ngài.

Hơn thế nữa, hãy chấp nhận vì lòng yêu mến Chúa, bởi vì lòng yêu mến sẽ là như một cây đuốc thần, biến những hy sinh gian khổ của chúng ta trở thành những sợi chỉ vàng, dệt thành tấm vải cuộc đời và làm cho cuộc đời chúng ta thực sự có một giá trị to lớn trước mặt Chúa.

KẾT LUẬN

Để kết luận, tôi xin mượn lời sau đây của Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II trong tông huấn “Consortio Familiaris” :

- “Ước gì Đức Trinh Nữ Maria, là Mẹ Hội Thánh, cũng nên Mẹ của “Hội Thánh tại gia”! Ước gì nhờ sự trợ giúp từ mẫu của Mẹ, mọi gia đình Kitô hữu đều có thể thực sự trở nên một “Hội Thánh nhỏ” trong đó mẫu nhiệm của Hội Thánh Đức Kitô được phản ánh và sống lại! Mẹ là nữ tỳ của Chúa, ước gì Mẹ là gương mẫu cho mọi gia đình biết khiêm tốn và quảng đại đón nhận thánh ý của Thiên Chúa! Mẹ là Người Mẹ đau khổ dưới chân thập giá, ước gì Mẹ cũng ở đó để xoa dịu những đau khổ và lau sạch nước mắt của những ai đang ưu phiền vì những khó khăn gia đình họ đang gặp phải!” (CF 86).

Lạy Nữ vương gia đình,

Xin cầu cho chúng con.

GSVN

VỀ MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU tác phẩm GIÁO HỘI CẦN LOẠI LINH MỤC NÀO ?

Lm Giuse Lê Công Đức chuyển ngữ từ bản tiếng Anh:

PRIESTHOOD IMPERILED,

BERNARD HARING, C.SS.R.

Mới đây, tôi tình cờ bắt gặp một bài viết với cái tựa đề giật gân: ĐỨC GIÊSU ĐÂU CÓ CẦN CÁC LINH MỤC! Là một linh mục cao niên, đã bỏ ra gần cả đời mình để giúp người ta xây dựng một tinh thần an hòa, vui tươi và bản lĩnh, song phải thú nhận rằng thoát đầu tôi đã khó chịu với cái tiêu đề ấy. Thế nhưng, khi lần đọc qua bài viết, tôi khám phá rằng tác giả của nó, một nhà thần học Công Giáo, không hề có ý định chống đối chức linh mục. Đúng hơn, bằng những luận cứ chặt chẽ, ông thách đố bạn đọc suy ngẫm một câu hỏi thâm trầm hơn, đó là: “Đức Giêsu đã thực sự có ý định gì khi Ngài chọn và sai các Tông Đồ và các môn đệ đi rao giảng Tin Mừng cho mọi người?”

Được gợi hứng từ bài viết đó, tôi đã đặt cho một số người Công Giáo tích cực câu hỏi rằng Đức Giêsu thực sự muốn hay không muốn chức linh mục. Họ trả lời câu hỏi của tôi bằng cách đặt ra câu hỏi của chính họ: “Hình ảnh nào về chức linh mục, theo cha, phù hợp với ý định của Đức Giêsu?” Trong khi câu hỏi của họ ít nhất biểu lộ một cách mặc nhiên niềm tin rằng Đức Giêsu đã có một cái nhìn về chức linh mục, thì họ đẩy lại cho tôi công việc phác họa cái nhìn đó.

Nhằm yêu cầu những con người trưởng thành ấy cùng tham gia vào cuộc suy tư này, tôi đặt lại câu hỏi nguyên thủy của mình một cách cụ thể hơn và hỏi họ: “Các bạn coi ai là mẫu linh mục lý tưởng mà Đức Giêsu đã phác họa?” Người thứ nhất trả lời: “Thưa cha, con nghĩ đến những người như Giám mục Jacques Gaillot, một vị tông đồ trung thực, thẳng thắn của hòa bình, một con người hoàn toàn hiến thân cho những kẻ bị loại ra bên lề cuộc sống.”

Mới đây, sau một bài nói chuyện với một nhóm vài trăm nhà hoạt động cho hòa bình, tôi thẳng thắn tuyên bố rằng một Kitô hữu, nhất là một linh mục, nếu không tỏa ra tinh thần hòa bình và không giúp thăng tiến hòa bình, nếu không cổ vũ cho con đường phi bạo lực và cho một nền công lý phổ cập, thì Kitô hữu ấy chẳng có giá trị gì. Lập tức, từ trong thính giả có ý kiến: “Vậy phải nghĩ sao về việc cách chức Giám mục Gaillot, vị giám mục duy nhất ở Pháp nêu rõ lập trường chống vũ khí hạt nhân và kiên quyết đứng về phía những người tội lỗi và những kẻ bị khinh thường?” Hơi ngập ngừng, tôi nói: “Dường như một Kitô hữu, hoàn toàn hiến thân cho tinh thần phi bạo lực theo Tin Mừng, đương nhiên sẽ gặp rủi ro.” Tôi tin rằng đó là một rủi ro cùng loại với rủi ro của các ngôn sứ thời xưa, nhất là của Đức Giêsu, vị Ngôn Sứ và Người Mẫu của mọi thời đại.

Bạn đọc thân mến, vì thế, tôi mời bạn cùng bước vào cuộc tìm hiểu này để nhận hiểu sâu xa hơn về điều Đức Giêsu nhằm đến khi Ngài kêu gọi những kẻ tin Ngài thể hiện sự sống Phục Sinh của Ngài và loan báo chiến thắng cuối cùng của hòa bình trong và xuyên qua cuộc Phục Sinh ấy. Trong quá trình tìm hiểu, chúng ta sẽ tham chiếu đến Thánh Kinh và lịch sử – bởi vì Đức Giêsu, Đấng đã có, đang có và sẽ đến, dạy chúng ta trong nhãn giới của toàn lịch sử cứu độ.

Thật vậy, một lý do chính để khảo sát Thánh Kinh - (ngoài công việc rất quan trọng là văn hồi ý nghĩa nguyên thủy trong những bối cảnh lịch sử khác nhau của nó) - là nhằm để khám phá theo một khoa chú giải mới những gì mà Tin Mừng muốn nói hôm nay, và những

nhận hiểu này có thể ảnh hưởng như thế nào đến ý nghĩa của sứ vụ linh mục hôm nay và ngày mai. Như vậy, khoa chú giải này đòi hỏi chúng ta phải nhận hiểu và vận dụng các dấu chỉ của thời đại như một phần cốt yếu của cuộc thảo luận, nếu chúng ta muốn biện phân đúng đắn *loại chức linh mục nào mà Đức Giêsu đã hình dung*. Điều này đặc biệt quan trọng, vì với chủ điểm "linh mục", chúng ta hầu như không tìm thấy gì liên quan trong Kinh Thánh Kitô giáo – chính bởi vì từ ngữ này chưa tồn tại vào thời mà Kinh Thánh được viết ra hay được sưu tập. Cuối cùng, điều quan trọng không phải là chính bản thân hạn từ chuyên biệt ấy mà đúng hơn là hiện tượng chức linh mục, theo một ý nghĩa chuyên biệt Kitô giáo, được ghi nhận trong lịch sử và qui hướng về cuộc đời và sứ vụ của chính Đức Giêsu.

(còn tiếp)

VỀ MỤC LỤC

XỨC DẦU THÁNH

Đức Cha Giuse yêu cầu tôi giảng thánh lễ hôm nay, ngày 30/4/2007, vì lễ hôm nay là kỷ niệm 32 năm tôi thụ phong giám mục.

Tôi xin vâng. Nhưng những gì tôi nói trong thánh lễ này sẽ là bài chia sẻ hơn là bài giảng. Nội dung chia sẻ gồm 3 phần vắn tắt:

- 1- Ấn tượng sâu đậm nhất của tôi trong lễ thụ phong giám mục.
- 2- Cảm nghiệm sâu sắc nhất của tôi trong suốt đời giám mục.
- 3- Thao thức sâu lắng nhất của tôi trong sứ mạng giám mục.

Trước hết về ấn tượng sâu đậm nhất tôi nhận được trong lễ thụ phong giám mục

Ấn tượng

Ấn tượng đó xảy ra khi được Đức Cha Micae xúc dầu thánh cho tôi.

Lúc đó, tôi nhớ đến lời Kinh Thánh xưa: "**Thánh Thần Chúa ngự trên tôi. Người đã xúc dầu cho tôi**" (Lc 4,18).

Theo các nhà chú giải Kinh Thánh, thì dầu thánh nói đây ám chỉ một ơn riêng làm toả hương thơm tình yêu Chúa.

Lúc ấy sự hiểu biết đó chỉ thoáng qua đầu óc tôi, nhưng đủ gây trong tôi ấn tượng này: Tôi được sai vào một hoàn cảnh rất mới, rất khó, để toả hương thơm tình yêu Chúa.

Tôi biết sứ mạng thiêng liêng đó vượt quá sức tôi, vì tôi quá yếu đuối, nên tôi phó thác tương lai tôi cho Chúa. Phó thác đơn sơ, phó thác tuyệt đối. Phó thác không có nghĩa là sẽ không làm gì, nhưng sẽ là cố gắng hết sức mình để đón nhận ơn Chúa.

Đón nhận bằng cầu nguyện, bằng tình thức lắng nghe những tín hiệu trong các diễn biến lịch sử, bằng sự đồng cảm với Hội Thánh và Quê Hương. Khổ cái khổ của địa phận, đau cái đau của đồng bào, lo cái lo của Đất Nước.

Trong suốt đời giám mục, tôi ý thức sâu sắc mình được xúc dầu để làm chứng cho "điều răn mới" (Ga 13,34). *Cuộc sống làm chứng đã cho tôi nhiều cảm nghiệm. Những cảm nghiệm đó là thế nào?*

2/ Cảm nghiệm

Cảm nghiệm đầu tiên của tôi là tôi phải luôn chiến đấu với chính mình, để vâng theo ý Chúa. Nếu cuộc chiến đó có một chiến lược, thì chiến lược đó đã được diễn tả trong kinh Hoà Bình của thánh Phanxicô.

Một đoạn nhỏ sau đây có thể cho thấy hình ảnh chiến lược đó: "*Lạy Chúa, xin hãy dùng con như khí cụ bình an của Chúa. Để con đem yêu thương vào nơi oán thù, đem thứ tha vào nơi lắng nhục, đem an hoà vào nơi tranh chấp, đem chân lý vào chốn lỗi lầm*".

Tôi vui mừng nhận thấy chiến lược kinh Hoà bình đã được mọi thành phần của giáo phận thực hiện.

Khi thực hiện, chúng ta đã phải vượt qua bao khó khăn và đau khổ. Nói chung là chúng ta cảm nghiệm thấy: Hương thơm tình yêu Chúa được ban cho ta, khi ta biết cộng tác với

chính Đức Kitô, với trái tim của Người, với thánh giá của Người, với lễ tế chính bản thân Người.

Suốt những năm qua, chúng ta đã sống như thế với Người, đã làm chứng như thế cho Người, đã rao giảng như thế về Người.

Hiệu quả được chúng ta cảm nghiệm là âm thầm, nhưng lớn lao, cao quý. Bởi vì đã có vô số sự trở về đàng lành. Xã hội đó đây trở về. Nhiều đồng bào trở về. Chính chúng ta là những người tội lỗi được Chúa đưa trở về. Do đó, điều tôi cảm nghiệm sâu sắc nhất, đó là Thiên Chúa đúng là tình yêu thương xót, rất gần gũi và giản dị.

Nhưng chúng ta không dừng lại ở những cảm nghiệm đó. Bởi vì chúng tôi cũng như anh chị em vẫn phải lên đường. Và đây chính là điều gây cho tôi nhiều thao thức.

3/ Thao thức

Xưa, Chúa Giêsu đã phán: "Hôm nay, ngày mai, ngày mốt, **Thầy phải tiếp tục đi**" (Lc 13,33). **Chúng ta là môn đệ Chúa** cũng tiếp tục đi. Con đường ta đi là lịch sử Đất Nước, lịch sử Hội Thánh, lịch sử riêng ta. Những lịch sử đó có nhiều chuyển biến và bất ngờ.

Vì thế, thao thức lớn của tôi là chia sẻ tâm tình của Chúa Giêsu, khi Người cầu nguyện xưa trong bữa tiệc ly: "Xin Cha gìn **giữ họ khỏi ác thần**" (Ga 17,15). **Ác thần là những động lực** của xác thịt, thế gian và quỷ dữ tìm cách đẩy con người xuống hoả ngục.

Những ác thần đó cũng mang những thứ dầu thơm của riêng chúng. Thường thì những dầu thơm đó, dù có chút mùi đạo đức, nhưng vẫn huỷ hoại lương tâm bằng nhiều nham hiểm.

Vì thế, nếu nghĩ rằng đời sống đạo hôm nay là an toàn, không bị những ác thần mưu mô phá hoại, thì quả là quá ngây thơ. Điều đó càng làm tôi thêm thao thức, nhất là tôi linh cảm, những gì Đức Mẹ cảnh báo ở Fatima sẽ xảy ra rất ghê gớm, nếu nhân loại không trở về đàng lành.

Để kết bài chia sẻ này, tôi xin nói với anh chị em một niềm vui âm thầm của tôi. Đó là tôi thấy "Đức Mẹ Thăm viếng" (x. Lc 1,39-56) đã đến giáo phận ta từ lâu rồi. Mẹ đã ở lại với chúng ta, đã luôn che chở chúng ta là những con cái yếu hèn bé nhỏ của Mẹ. Biết bao người đã nhận được dầu thiêng "Đức Mẹ Thăm viếng" ban cho. Dầu thiêng đó đã giúp chúng ta đổi mới cuộc đời, chữa lành nhiều vết thương, để ta an tâm đi về với Thiên Chúa giàu lòng thương xót.

Cùng với "Đức Mẹ Thăm viếng", chúng ta khiêm tốn cảm tạ Chúa và tuyệt đối phó thác, xin vâng ý Chúa đến muôn đời.

+ GM. GB. BÙI TUẦN

VỀ MỤC LỤC

EM BIẾT TIN AI BÂY GIỜ ?!

Phúc Âm Nhật Ký ngày 29.04.2007

(Ga 10:27-30)

Sau khi thoát khỏi chiến tranh lạnh kéo dài hàng bao thập niên, nhân loại tưởng sẽ bước vào một thế kỷ mới đầy hạnh phúc. Nhưng rõ ràng thế giới không bao giờ hòa bình. Cuộc xung đột ý thức hệ chưa chấm dứt, thì cuộc đối đầu về tôn giáo diễn ra ác liệt. Tình hình thế giới hôm nay khó tìm một giải đáp. Con người tự hào về sự hiểu biết quá nhiều và một chiều về tôn giáo của mình. Niềm tin quá mạnh đến độ cuồng tín đã đẩy cả xã hội và con người vào lò lửa chiến tranh như tại Trung Đông hiện nay.

Đang khác, nhân loại đang trải qua cuộc khủng hoảng về gia đình, xã hội, luân lý, đạo đức v.v. **Con người đang mất hướng chỉ vì quá chú tâm vào những phương tiện sống hơn là chính sự sống.** Nguyên do vì càng ngày con người càng ít biết về tôn giáo, nguồn cung cấp lẽ sống. Theo thống kê, ngay tại nước nổi tiếng Công giáo một thời như Ai Nhĩ Lan, có tới 95 phần trăm người lớn không hề biết về Điều Răn Thứ Nhất trong Mười Điều Răn.^[1] **Kiến thức một chiều hay không có kiến thức về tôn giáo đều dẫn nhân loại đến chỗ chết.** Nhiều người như bị lạc hướng hay bị xé rách giữa những giằng co của bao chủ thuyết

và niềm tin.

“Em biết tin ai bây giờ ?”

Giữa cảnh hoang mang đó, Đức Giêsu lên tiếng mạnh mẽ : “Tôi chính là Mục Tử nhân lành. Mục tử nhân lành hy sinh mạng sống mình cho đoàn chiên.” (Ga 10:11) Thực tế, Chúa có xứng đáng với danh hiệu đó không ? Người có đủ khả năng dẫn con người ra khỏi vòng luẩn quẩn của kiếp người không ?

Ngoài Đức Kitô, con người không thể kiếm được con đường cứu thoát nào khác. Thực vậy, muốn đạt đến ơn cứu độ, con người cần phải biết Thiên Chúa và Thánh ý Người như đã mạc khải trong thánh sử. Bởi vậy, trước hết, Chúa Giêsu phải bày tỏ cụ thể thánh ý Thiên Chúa, tức những huấn chỉ và lời hứa, cho con người (x. Ga 17:3; Dt 1:1-5). Chỉ mình Người mới có thể biết và làm cho người khác biết thánh ý huyền nhiệm của Thiên Chúa Cha vĩnh hằng (x. Mt 1:27). Đức Kitô đầy quyền năng trong lời giảng dạy. Người cho nhân loại biết muốn được cứu rỗi, cần phải tin và nhận biết Người là Ngôi Lời Thiên Chúa.

Ngôi Lời đến trần gian để rao giảng Nước Thiên Chúa và kêu gọi mọi người sám hối. Không sám hối, không thể nhận biết Người là vua. Người sinh xuống trần gian để đem sức mạnh sự thật giải thoát nhân loại (x. Ga 18:37). Như thế, Người xứng đáng là một Mục Tử đầy uy quyền, khôn ngoan và quả cảm. Bởi thế, trước cuộc đời đầy thách đố và hiểm nguy, Người không tìm an nhàn thư thái hay yên ổn cho bản thân. Người cũng không hy sinh đoàn chiên để đạt mục tiêu riêng. Trái lại, Người sẵn sàng liều mạng để cứu sống đoàn chiên. Người không thể ngồi yên khoanh tay nhìn sói dữ cắn xé đoàn chiên. Sự hy sinh bất vụ lợi đó là tiêu chuẩn đánh giá người mục tử đích thực. Người không thể sống theo nước đôi. Vừa muốn danh dự và uy quyền của một mục tử vừa muốn toàn mạng, chứ không phải đối đầu với đàn sói, làm sao có thể có một thứ mục tử dễ dàng đến thế ! Không ! Người dứt khoát đem tất cả sức mạnh bảo vệ đoàn chiên, dù phải trả bất cứ giá nào ! Chính vì thế, Người trở thành trung tâm thu hút và sức mạnh quy tụ đoàn chiên. Tình yêu đã khiến Người hy sinh tất cả cho hạnh phúc và sự sống đoàn chiên.

Sở dĩ dám hy sinh tất cả cho đoàn chiên, vì Người ý thức rất rõ về trọng trách Chúa Cha giao phó đoàn chiên cho mình. Nếu con người chẳng có một giá trị nào, tại sao Chúa Cha lại giao phó cho Chúa Con ? Tại sao Chúa Con lại đón nhận như một tặng phẩm quý giá hay như một bữa bô ? Người hiểu biết rất rõ về giá trị của từng con chiên và của cả đoàn chiên : “Tôi biết chúng.” (Ga 10:27)

Sự hiểu biết đó không phải là một kiến thức khô cứng hay một lý thuyết vô hồn. Trái lại, đó là sự hiểu biết toàn vẹn bao hàm tình yêu và đưa đến sự hy sinh hoàn toàn.

Chỉ có Mục Tử như thế mới làm cho đoàn chiên cảm phục và quây quần chung quanh để lắng nghe và đi theo (x. Ga 10:27) mà thôi. Không sống chết với đoàn chiên, dĩ nhiên không thể được mến chuộng đến như thế. Mục tử không biết hy sinh đến quên mình, đoàn chiên không thể gắn bó. Bởi vậy, khi không can đảm bảo vệ đoàn chiên, mục tử sẽ mở đường cho chó sói cắn xé và phân tán đoàn chiên. Vị Mục Tử tối cao luôn đi sát đoàn chiên để hướng dẫn và chỉ bảo đoàn chiên giữa những ồn ào và nanh vuốt của bầy sói. Đó là lý do tại sao Chúa dám cả quyết: “Không bao giờ chúng phải diệt vong và không ai cướp được chúng khỏi tay tôi.” (Ga 10:28)

Làm cách nào Chúa có thể bảo đảm như thế ? Chúa đã dùng phương thế gì ? Chúa đã bảo vệ đoàn chiên “bằng lời chân lý, bằng sức mạnh của Thiên Chúa, (và) lấy sự công chính làm vũ khí tấn công và tự vệ.” (2 Cr 6:7) Như thế, nếu Chúa cứ im lặng, đoàn chiên sẽ lắng nghe cái gì và làm sao đi theo Người ? Trước những bất công là vũ khí của loài sói dữ, chỉ có Lời Chúa và sự công chính mới đương đầu nổi. Thánh Linh chính là sức mạnh Thiên Chúa giúp Người chiến đấu chống lại kẻ thù. Nhờ chiến đấu can trường, không những Người có thể cứu đoàn chiên, mà còn làm cho “sự sống đời đời” (Ga 10:28) như mạch suối chảy dào dạt trong con chiên nữa.

Càng chiến đấu chống lại sói để bảo vệ đoàn chiên, Người càng mạc khải rõ căn tính và sứ mệnh của mình. Không phải vô tình Người đứng ra lấy thân cản trở sói lang để cứu đoàn chiên. Nếu không được Chúa Cha ủy thác và sai phái, Người không bao giờ dám lãnh trách vụ đó. Có thể nói Chúa Cha đang ôm trọn đoàn chiên trong vòng tay của Người là Đức Giêsu. Còn thành trì nào vững chắc hơn ?

Trong vòng tay đầy yêu thương đó, Chúa Cha quy tụ muôn tín hữu “thuộc mọi dân, mọi chi tộc, mọi nước và mọi ngôn ngữ.” (Kh 7:9) Chỉ đức tin mới có sức mạnh vượt qua mọi giới hạn tự nhiên mà thôi. “Có đức tin là nhờ nghe giảng, mà nghe giảng là nghe công bố lời Đức Kitô.” (Rm 10:17) Chính vì thế, lời Chúa có sức mạnh quy tụ muôn dân và lôi cuốn họ theo Người. Nếu không có Lời, Chúa sẽ trở thành xa lạ đối với đoàn chiên và đoàn chiên cũng không biết nhau nữa. Nói khác, chính Lời khiến đoàn chiên thuộc về Chúa và thuộc lẫn nhau. Theo thánh Augustinô, “tâm hồn thuộc về Chúa Giêsu Kitô, thì nghe tiếng Chúa, hiểu Lời Chúa : người lạ không nghe thấy gì cả.”^[1] Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần nghe tiếng Chúa để biết cách hành xử kịp thời và thích hợp.

Vậy đứng trước nhiều sự kiện của GHVN hôm nay, chúng ta nên có thái độ nào ? Gần đây, mọi người đều thấy nhiều vị lãnh đạo GHVN không còn giữ im lặng trước một vài trách nhiệm tế nhị của mình nữa; Tuy nhiên, có vị lại cho biết phải đợi tới tháng 10.2007 mới có thể biết ý kiến của HĐGMVN...

Trước vụ thăm sát tại đại học Virginia Tech vừa qua, HĐGM Nam Hàn đã không phải đợi đến kỳ họp thường niên...! Không, ngay lập tức, ĐHY Nicholas Cheong Jin-suk, TGM thủ đô Seoul Nam Hàn, đã lên tiếng và phân ưu với các gia đình nạn nhân. Cả Hội Đồng Liên Tôn Nam Hàn cũng có một thái độ tương tự.

Trong mọi trường hợp, nhất là khi đã có những tranh luận khác biệt trong cộng đoàn, ý kiến của người lãnh đạo luôn là cần thiết và tối quan trọng, ý kiến đó cần phải rõ ràng minh bạch. Sự im lặng của lãnh đạo (hoặc lập trường nước đôi), có thể sẽ là một thảm kịch cho đoàn chiên!

(...)

“Đừng hiểu chính trị theo nghĩa hẹp ! Giáo Hội có bốn phận phải rao giảng Tin Mừng, mà trong Tin Mừng có con người, tức là có nhân quyền, nhân phẩm, tự do và lương tâm cùng tất cả những gì thuộc về con người. Nếu tất cả những cái đó có một giá trị chính trị thì tôi làm chính trị, vì tôi bệnh vực con người.”^[3] ĐGH Gioan Phaolô II đã phải lấy cả cuộc đời để chứng minh nhận định sâu sắc đó. Nhân loại cần phải biết ơn và không bao giờ có thể quên tấm gương cao cả và dũng đảm của vị giáo hoàng khả kính này!

Hội Đồng Giám Mục Á Châu minh định: “Trước hết chính trị phải trở thành một hoạt động chung, toàn thể dân Chúa được mời gọi dẫn thân vào hoạt động chính trị ấy, vì Phúc Âm đòi hỏi Kitô hữu đưa Phúc Âm và những giá trị Nước Trời- là tình thương và công bình- xâm nhập vào những lãnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, và xã hội của Châu Á. Ai tuyệt đối khước từ đòi hỏi thay đổi chính trị ở Châu Á, ắt là một cách nào đó, cũng phủ nhận căn tính Kitô của mình.”^[4]

Vì nhiều hoàn cảnh khó khăn, không được hiểu biết nhiều về giáo lý và giáo luật, cũng không được tiếp cận đầy đủ thông tin, người giáo dân tại Việt nam không thể dễ dàng trở thành những công dân có ảnh hưởng và hoạt động hữu hiệu cho chính quê hương và giáo hội của mình. **Sự thiếu hiểu biết về giáo lý nguy hiểm hơn các hình thức vô tri khác, vì tôn giáo có một vai trò quan trọng trong văn hóa và như là một sức mạnh trên thế giới.**^[5] Nhưng mấy ai dám nhận mình thiếu hiểu biết như thế ? !

Phản ứng theo sự thiếu hiểu biết... lại càng thiệt thòi hơn cho Giáo hội.

Lạy Chúa, xin thương đến quê hương và GHVN chúng con! Xin cho tất cả chúng con, dù là giáo dân hay giáo sĩ, đều có thể trở thành những mục tử can đảm bệnh vực và hướng dẫn đoàn chiên mà Chúa đã trao phó cho từng người... theo đúng Thánh Ý Chúa. Amen.

Lm đồ lược 29.04.2007

^[1] Traité sur saint Jean, XLV, 7. ^[1] Zenit 23.04.2007. ^[2] Radio Free Asia 20.04.2007.

^[3] Nhật báo La Stampa, Ý, tháng 0 3.1991.

VỀ MỤC LỤC

NHÂN LOẠI VẤN CẦN...

SUY NIỆM NHÂN LỄ CHÚA CHIÊN LÀNH

Ngày ấy, khi lớp chúng tôi có gần một nửa lớp chịu chức linh mục, linh mục Nguyễn Duy, (lúc đó cũng đang là chủng sinh, dù thuộc lớp đàn anh, nhưng được phân bổ vào lớp chúng tôi để hợp thức hóa và bổ túc chương trình học), đã cảm tác bài hát "Nhân loại vẫn cần" để tặng cả lớp.

Bài hát ấy, tôi vẫn nhớ, vẫn hát. Mỗi lúc nhớ thầy, nhớ trường, nhớ bạn, hoặc mệt mỏi vì rong ruổi trong suốt dọc dài con đường phục vụ, tôi đã nhiều lần hát đi hát lại, để vừa cầu nguyện cho mình, cho thầy, cho anh em, cho sứ vụ của từng người trong lớp chúng tôi, cho cả những gương mặt thân yêu của cộng đoàn mà mình sống và làm việc hôm nay, vừa tìm cách củng cố sức lực do năm tháng đã không ít hao mòn.

Đối với riêng tôi, bài hát ấy hay, nó gợi lại trong tôi cả khung trời kỷ niệm, đồng thời giúp tôi hiên ngang nhìn về phía trước mà thực hiện chính sứ mạng của Chúa Kitô, được Chúa Kitô trao cho mình... Cứ thế, mà tôi hát: *"Nhân loại vẫn cần người biết sống ơn gọi của Chúa. Nhân loại vẫn cần người làm chứng tình Chúa yêu thương. Nhân loại vẫn cần người mục tử dẫn đường chỉ lối, cùng đoàn chiên đêm ngày đi tới, về nhà Cha mến yêu muôn đời... Nhân loại vẫn cần người đi tiếp con đường của Chúa. Nhân loại vẫn cần người dám sống cuộc sống Giêsu. Nhân loại vẫn cần người nhiệt tâm trong đời ngôn sứ, chỉ truyền rao những lời của Chúa để trần gian sống trong sự thật... Nên Chúa đã sai từng người chúng con, những linh mục bước đến cùng thế giới. để đáp ứng những khát vọng khắp nơi. Để tô thắm những ước mơ con người. Nghe tiếng Chúa nay từng người chúng con quyết lên đường loan Tin Mừng Cứu Rỗi. Xin Chúa giúp cho mỗi người chúng con được nên thánh trong cuộc đời chúng nhân..."*.

Trong những ngày này, chuẩn bị mừng lễ Chúa Chiên lành, ngày Hội Thánh cầu nguyện và cổ vũ cách đặt biệt đối với ơn gọi tận hiến, tôi càng ý thức hơn vai trò và trách nhiệm mục tử của mình. Sau mỗi thánh lễ sáng xong, tôi đóng cửa phòng rồi cứ thế mà cất lên cung điệu Nhân loại vẫn cần... để cầu nguyện, để tạ ơn Chúa, để đánh thức mình hãy nên mục tử nhân lành.

Sau bài hát, tôi lại đọc đi đọc lại bài Tin Mừng theo thánh Gioan để nguyện gắm: **"Chúa Giêsu nói với người Dothái rằng: 'Chiên của tôi thì nghe tiếng tôi; tôi biết chúng và chúng theo tôi. Tôi ban cho chúng sự sống đời đời; không bao giờ chúng phải diệt vong và không ai cướp chúng khỏi tay tôi. Cha tôi, Đấng đã ban chúng cho tôi, thì lớn hơn tất cả, và không ai cướp được chúng khỏi tay Chúa Cha. Tôi và Chúa Cha là một'"** (Ga 10, 27-30). Ước mong một điều chính đáng rằng, ngày nào tôi còn thi hành chức vụ mục tử, và Hội Thánh còn tiếp tục tin tưởng trao cho tôi sứ mạng mục tử, ngày ấy, tôi vẫn cứ xông vào trận chiến với thế gian, với tội lỗi và với mọi cơn cám dỗ trong đời một cách không mệt mỏi để làm cho từng con chiên của Chúa Kitô thực sự yêu mến Chúa Kitô, nghe Lời Chúa Kitô. Nhờ đó họ không bị diệt vong, không bị bất cứ thế lực nào của sự dữ cướp khỏi ơn cứu chuộc của Chúa Kitô và lãnh nhận sự sống đời đời mà Chúa Kitô ban cho họ.

Để hoàn thành xuất sắc vai trò mục tử như Mục Tử Giêsu, một hình ảnh mục tử mà mãi mãi nhân loại vẫn cần, vẫn tha thiết trông chờ, vẫn hoài hy vọng, tôi nghiệm ra rằng, trước hết mình phải là chiên xuất sắc của Mục Tử Giêsu. Một khi đã là chiên tốt, chắc chắn, tôi cũng sẽ là mục tử tốt như Chúa Giêsu.

1. Cùng anh chị em, linh mục là thành phần của đoàn chiên Chúa.

Trước khi là mục tử, người linh mục đã thuộc về đàn chiên. Biết mình là chiên, cũng

mang thân phận con người đầy khiếm khuyết, có khi đã nhiều lần, do chủ quan, do mãi ngập lặn trong biển đời nhiều sóng dữ, đã để xảy ra nhiều thương tật cho đời sống tâm linh của bản thân.

Biết mình là chiên như mọi con chiên trong đoàn chiên của Chúa, người linh mục luôn luôn học lấy lòng khiêm nhường, hiền từ như Mục Tử Giêsu. Cùng là người như mọi anh chị em của mình, người linh mục không bao giờ được phép coi thường những điều kiện căn bản để vươn lên trong ơn thánh Chúa như: cầu nguyện, nguyện gắm, xét mình, đọc Lời Chúa, viếng Thánh Thể, thường xuyên lãnh bí tích hòa giải...

Người linh mục càng phải ra sức cộng tác với ơn Chúa để sống một đời sống gương mẫu, mục thước, tự chủ, biết sống lành mạnh, không xa hoa, không tìm danh lợi, không mưu cầu cách ích kỷ sự giàu có cho bản thân... nhưng luôn biết từ chối tất cả mọi nguy hiểm có thể đánh đổi ơn gọi của mình là thứ quý giá trên hết mọi thứ quý giá.

Ngoài ra, dù là mục tử, người linh mục sẽ không ít lần bắt gặp những mẫu gương rất tốt nơi anh chị em mà mình có thể học lấy. Chẳng hạn, nhiều anh chị em quyết không bước vào con đường gian tham, tội lỗi, dù rất nghèo. Hoặc nhiều người đau khổ đến cùng cực, nhưng đức tin vẫn lung linh cháy sáng. Nhiều anh chị em tham gia phục vụ người nghèo, phụ vụ nhà thờ, phục vụ cộng đoàn hết sức miệt mài, nhiệt tâm y như việc họ làm là làm cho chính gia đình, cho chính bản thân của họ vậy... Tất cả những hình ảnh ấy, càng làm cho người linh mục khám phá ra một chân lý rất bình thường, nhưng rất đổi quang trọng: Dù là mục tử, người linh mục vẫn là thành phần của đoàn chiên Chúa. Nhận ra mình cũng là chiên như anh chị em, người linh mục sẽ không bao giờ dám coi chức linh mục của mình là quan chức, là hướng nhằm của sự thành công, để khi đạt được rồi, sẽ hưởng thụ, tể hơn, vơ vét mọi thứ cho cá nhân mình...

Tất một lời, khi biết rèn giũa cho hình ảnh "chiên" nơi mình càng đẹp, càng sáng, thì khi làm mục tử, người linh mục cũng sẽ là mục tử tốt lành mang lấy và phản chiếu hình ảnh tốt lành của Mục Tử Giêsu.

2. Là mục tử của đoàn chiên Chúa.

Rất nhiều lần, và ngay chính lúc này, tôi cảm nhận rõ ràng, thánh chức linh mục mà Chúa ban cho mình quý giá vô cùng. Bởi nó là danh dự, là sự điểm tô long lẫy cho chính người linh mục đã vậy, quan trọng hơn, nó chính là sự cần thiết của đời sống tâm linh con người. Chức linh mục vẽ thêm vào cuộc đời, vốn vàng thau lẫn lộn, những nét tươi mới của tin yêu, của niềm an ủi, của hy vọng. Bởi không có ai khác nhưng linh mục, đã gắn bó với từng anh chị em mà Hội Thánh trao cho mình, gắn bó suốt đời mình để phục vụ, để hiến thân.

Chính linh mục mới là người biết rõ, biết nhiều về tâm tư con người. Cả trong tòa giải tội, lẫn ngoài đời thường, không biết bao nhiêu lần người linh mục chia sẻ những tâm tư, những bức xúc, những bí mật rất thật về chính bản thân của anh chị em. Dường như chỉ có linh mục mới có thể giải tỏa nhiều chông chênh, ngang trái mà anh chị em gặp phải trong một lòng thương mến thật, thông cảm thật. Anh chị em đến với linh mục bằng một niềm tin tưởng thật, vì thế họ cũng sẽ nhận được từ người linh mục một trái tim rung cảm thật, nhằm tiếp thêm ngọn lửa của sức mạnh chịu đựng, tiếp thêm sức nóng xóa tan băng giá của cả một đời đầy đông bão.

Vì trót cả cuộc đời của những người mang lấy đức tin, là cả cuộc đời mang dấu ấn của thánh chức linh mục. Bởi không ai khác, nhưng là chính bàn tay linh mục, trong bí tích rửa tội, đã đưa một con người từ thưở bé thơ vào cộng đoàn Hội Thánh để làm Con Thiên Chúa. Dù trong anh chị em, có người không nhìn nhận, thậm chí chống đối cá nhân linh mục này, linh mục khác, thì anh chị em cũng không thể chối từ ảnh hưởng của thánh chức linh mục trên cuộc đời mình. Chỉ nhờ linh mục, anh chị em được lãnh nhận ân sủng từ kho tàng bí tích mà Chúa trao cho Hội Thánh. Những khi anh chị em muốn tìm lại bình an nội tâm sau những lần ngã quỵ vì cám dỗ, vì tội lỗi, cũng chính linh mục nhân danh Chúa ban ơn Thánh Thần tha thứ cho anh chị em. Đến tuổi trưởng thành, cũng nhờ chính bàn tay linh mục, mà mỗi một người chính thức bước vào đời sống gia đình cách hợp pháp. Có thể nói, trong bí tích hôn phối, người linh mục đã liên tục sinh ra các gia đình mới cho Hội Thánh. Hay suốt cả một đời làm Kitô hữu của mình, từng anh chị em đã không thể đếm hết bao nhiêu lần đã cậy nhờ

thánh chức linh mục, và chính bản thân người linh mục mà lãnh nhận hết hồng ân này đến hồng ân khác, hết hy tế thánh lễ này đến hy tế thánh lễ khác, hết lời giảng dạy này đến lời giảng dạy khác... Và giây phút quan trọng nhất, nhưng cũng kinh hoàng nhất, đáng sợ nhất của đời người là giây phút sắp lìa đời, thì sự hiện diện lần cuối cùng của linh mục lại ấm áp, thiêng liêng, ý nghĩa vô cùng. Nó mang lại niềm an ủi, mang lại sự xoa dịu nỗi sợ hãi, xoa dịu cơn đau đớn không thể tả để anh chị em thanh thản lìa đời. Và cuối cùng, cũng chính bàn tay linh mục đưa lên ban phép lành lần cuối thay lời từ biệt trao gởi anh chị em về với Đấng Hằng Hữu, Đấng mà từ đó, đã làm phát sinh sự sống của không biết bao nhiêu sinh linh trong cõi đời này.

Như vậy, linh mục rất cần vai trò làm chiến cùng với đoàn chiến của Chúa. Làm con chiến như anh chị em, người linh mục sẽ hiểu nhiều hơn, sẽ dễ thông cảm hơn với từng mảnh đời, từng hoàn cảnh của anh chị em. Là chiến của Chúa, thấu hiểu nỗi lòng của đoàn chiến, để khi đứng trong vai trò mục tử, người linh mục sẽ dẫn đưa anh chị em của mình đến sự sống, một sự sống hoàn thiện, sự sống dồi dào...

Đúng là nhân loại vẫn cần, mãi mãi cần những mục tử của Chúa, những mục tử thay thế Chúa sáng sóc đoàn chiến Chúa. Nhân loại vẫn cần những con người dám hiến thân vì người khác giữa cuộc đời mê mông và biến động. Nhân loại cần lắm những bàn tay nâng đỡ lòng người, cần lắm những con người luôn luôn thao thức vì hạnh phúc của loài người, cần lắm những bóng mát làm dịu cơn khát tình yêu, xoa đi nỗi buồn chán, lấp đầy những khoảng trống cô đơn của con người. Nhân loại vẫn cần vô cùng những tấm lòng từ ái, những con người của ơn hòa bình, những dấu chỉ của niềm hy vọng, những hiện thân của hạnh phúc trường cửu, mà chính người mục tử ghi dấu, để mỗi anh chị em luôn cảm nhận tình yêu, luôn tìm ra một chỗ dựa mỗi khi cần, luôn thấy mình được an ủi vỗ về khi đau đớn...

Nhân loại vẫn cần, cần lắm những linh mục thánh thiện, những linh mục nhân lành. Bởi họ chính là những mục tử như lòng mong ước...

Lm. VŨ XUÂN HẠNH

VỀ MỤC LỤC

ĐỒNG CỎ NHÂN ÁI VÀ SUỐI MÁT BÌNH AN

Quý độc giả **Ephata và Giáo Sĩ Việt Nam** thân mến,

Gần đây báo chí lại đang xôn xao khá nhiều vụ tai tiếng liên quan đến **hai ngành Giáo Dục và Y Tế**. Thầy giáo áp giải một em học trò bé xíu lên đồn Công An như một tên tội phạm để người ta tra vấn ép cung, đến nỗi con bé đáng thương rơi vào hoảng loạn tâm thần. Một thầy giáo khác nắm đuôi tóc một cô bé học sinh giựt ngược giữa sân trường khiến em ngã ngựa, chấn thương sọ não... Trước đây người ta vẫn báo động chuyện sai lầm trong nghề giáo sẽ để lại những hậu quả tinh thần lâu dài trong một hai thế hệ con người. Bây giờ thì không chỉ di chứng tinh thần, các em học sinh còn phải trả giá bằng sinh mạng nữa. Còn nhiều, còn nhiều chuyện thương tâm của ngành Giáo Dục gây phẫn nộ trong xã hội nhưng pháp luật thì lại chỉ cảnh cáo phạt phơ như... đuổi ruồi !

Thầy giáo thì như thế, **thầy thuốc** cũng "sát sinh" không kém. Thai ngoài tử cung lại bảo là đau dạ dày đến nỗi phải tử vong oan ức ! Có quá nhiều những người mẹ chưa kịp vui mừng được mang thai đã rơi vào khủng hoảng tuyệt vọng khi các bác sĩ lạnh lùng tuyên án tử cho đứa con của mình với những lý do y khoa rất tầm phào, với những căn cứ chỉ dựa vào các xét nghiệm hoặc siêu âm hoàn toàn thiếu chính xác. Không ít các bác sĩ đã khẳng định can thiệp sớm vào thai kỳ, xử lý kịp thời như vậy là nhân đạo, là giúp cho gia đình và xã hội đỡ phải gánh nặng, bản thân đứa bé khỏi sinh ra thì cũng khỏi phải chịu khổ ! Lan man sang đến chuyện phá thai thì phải nói thẳng là ngày càng có nhiều sinh viên ngành Y học hành chẳng đến đâu, ra trường đầu quân vào đội ngũ y bác sĩ phá thai là cách thu lợi hoàn vốn nhanh nhất, ít đòi hỏi chuyên môn và kinh nghiệm nhất...

Chúng ta không có ý bới móc, nói hùa và đánh hôi theo dư luận xã hội. Chúng ta cũng hết sức trân trọng và biết ơn các thầy giáo và các thầy thuốc vừa nhân hậu vừa tài giỏi. Thế nhưng vẫn phải một lần nữa và nhiều lần nữa, lên tiếng cảnh báo một cách mạnh mẽ không sợ bóng sợ vía ai cả, để hy vọng đánh động được lương tri mọi người. Nói như cha Vũ Xuân Hạnh trong một bài đăng trên số báo lần này là: **"Hãy gào đến khi nào tiếng gào ấy thấu lương tâm nhân loại, thấu lương tâm từng người"**.

Đã có những phân tích nhận định, cho rằng tại Việt Nam chúng ta hiện nay đang theo đuổi một thứ gọi là **"kinh tế thị trường"**, khiến cho chuyện giảng dạy giáo dục ở nhà trường và chuyện chạy chữa chăm sóc ở nhà thương, tàn nhẫn thay, đã trở thành một thứ "hàng hóa", một bên cung một bên cầu, gói ghém trong khái niệm mua và bán, tiêu thụ và đáp ứng, thuần túy vật chất, không tính đến lễ nghĩa tình cảm, nên cũng đương nhiên chẳng bận tâm đến đạo đức làm gì cho nó... rách việc !

Nhìn ở chiều kích tâm linh, nghĩa là vượt lên trên cả bình diện đạo đức con người, chúng ta nhìn được thật rõ thái độ dửng dưng và ứng xử ở hờ lạnh nhạt của con người thời nay đối với Thiên Chúa, với Thượng Đế. Đã qua rồi cái thời mà người ta đua theo Nietzsche để quát tháo rằng: "Thiên Chúa đã bị giết chết !" Bây giờ người ta đâu có cần phải... giết Thượng Đế, ám sát Phật và tử hình Chúa làm gì cho mang tội ? Cứ để nguyên đấy ! Xin các đồng thiêng liêng thần thánh cứ việc an cư an vị trong các loại Nhà Thờ, Đền Chùa, Miếu Mạo, rồi đến hẹn người ta sẽ về, dâng của lễ hân hoan, kinh kệ râm ran, rước xách hoành tráng, ca hát nhịp nhàng, trống đàn rộn rã. Lại xây dựng các công trình tôn giáo thật nguy nga hùng vĩ, mười mấy hai ba chục tỷ là chuyện nhỏ. Hồn Thượng Đế và các thần thánh phải biết rõ hơn ai hết "phú quý sinh lễ nghĩa", có ăn nên làm ra, có trúng quả buồn lậu, có hối lộ tham nhũng thì mới có điều kiện dâng cúng xum xuê như thế được chứ !?!

Của đáng tội, đạo đức đã không chú trọng vun bồi, tâm linh chỉ còn là chuyện dịch vụ tín ngưỡng, danh xưng "Thượng Đế" được dành để nịnh những khách hàng nào chịu chi tiền mua sắm thoải mái nhất... thì khi ấy nhà trường sẽ thành nơi kinh doanh kiến thức và bằng cấp, còn nhà thương sẽ chẳng còn thấy dấu vết gì của tình thương, của lòng thương xót. Tình xuống giá, tiền lên ngôi. Không có tiền thì con nhà nghèo làm sao chạy vào những trường chọn lớp chuyên, làm sao có thể theo được các lớp kèm, lớp năng khiếu, lớp luyện thi ? Còn bệnh nhân thì người nhà mà không đóng được đầy đủ các khoản tiền bệnh viện yêu cầu, thì cứ việc nằm chèo queo, không cấp cứu, không nghe mạch, không xét nghiệm, không một lời hỏi han bệnh tình !

Thôi, nói mãi về những thứ bóng tối như thế cũng chẳng sáng sủa hơn được gì, lại làm nản lòng những người thiện chí và xúc phạm đến những người còn giữ được thiện tâm. Chúng ta hãy bắt đầu ngay từ chính mình, lại càng khẩn thiết hơn nếu chúng ta là người có Đức Tin, là bạn hữu của Chúa Giê-su nữa. Vâng, **xin hãy khởi hành lộ trình từ lòng ta, từ đời ta mà đi**. Mùa Chay đã qua, đang là Mùa Phục Sinh rồi, thế nhưng chúng ta vẫn cứ phải sám hối dài dài. **Metanoia đâu có dễ dàng nhanh chóng như xoay cái vô-lăng xe hơi và bánh lái con tàu. Phải xoay chuyển đời mình từng tý một, mỗi ngày và không được dừng lại chủ quan**.

Nhân **Lễ Chúa Chiên Nhân Lành**, một mặt chúng ta cầu nguyện cho ơn gọi Giáo Sĩ và Tu Sĩ, nhưng mặt khác chúng ta đừng quên chính anh chị em Giáo Dân cũng được kêu mời sống **ơn gọi làm một anh một chị mục tử chăn dắt đàn chiên nhỏ bé của mình trong gia đình, ngoài xã hội**.

Nếu ở trên đã nêu những bất toàn bất xứng hiện nay liên quan đến hai ngành nghề đáng quý là thầy giáo và thầy thuốc thì lúc này, xin được mời gọi mỗi thầy cô giáo hãy chịu khó chăm sóc dạy dỗ hết lòng đối với mấy chục con chiên trong lớp học của mình ít là trong thời gian một năm học mình phụ trách; mỗi y bác sĩ hãy tận tụy cúi xuống trên từng con chiên đang đau đớn, sợ hãi, cô đơn trong phòng bệnh do mình đảm nhiệm. Chả trách người xưa vẫn bảo hai nghề này là hai **thiên chức**, Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh bảo đó là **chức vụ thiên nhiên của loài người** – mission naturelle, với một chữ Thiên là Trời rõ ràng !

Lạy Chúa Giê-su, Đấng chăn chiên nhân lành, xin cho chúng con vừa được làm chiên của Chúa, lại vừa được **cùng Chúa, phụ với Chúa chăn dắt những con chiên bé nhỏ khác**. Nhờ vậy xã hội chúng con hôm nay sẽ bớt đi cơn đói cơn khát mà gặp được **đồng cỏ Nhân Ái và suối mát Bình An** !

NguồnƠn ThácĐổ

(Ga 20:19-31)

Thầy đi mang cả bầu trời,
để thương để nhớ để đời ử ê,
thời gian một chuỗi lê thê,
xót xa nỗi nhớ, ê chề niềm đau,
cuộc đời biết hướng về đâu,
bao nhiêu mộng ước tan mau tháng ngày,
phập phồng lo sợ từng giây,
đoàn chiên nhỏ bé giữa bầy sói lang,
trong đêm tối vẫn mơ màng,
mong ngày bừng sáng cho tàn đêm đen.

Màu đêm từng đợt trào lên,
Lâng lâng trăm nỗi đớn hèn trong ta,
hồn ta hay bãi tha ma,
đêm khuya giá lạnh xót xa nghìn trùng
trong cơn địa chấn dập dồn,
bên nhau cảm cảnh phòng không lạnh lùng,
xa Thầy sương khói mờ lung,
Bao nhiêu hy vọng nổ tung gầm trời,
Từ nay chỉ có mình tôi,
Lang thang giữa một biển trời hoang mang,
Tình duyên nay đã lỡ làng,
Nghe trong vũ trụ bể bàng đẳng cay !

Trần gian choáng váng mặt mày,
khi nhìn đêm tối rạng ngời bình minh
đón chào Con Chúa phục sinh,
một hơi Chúa thở, Thánh Linh tuôn tràn.

Thầy ban muôn phúc bình an,
trao nguyên sứ mệnh giải oan muôn loài,
Dù đường đời vẫn còn dài,
Thầy khuyên “đừng sợ !” chông gai sá gì !
Trong Thần Khí, hãy ra đi !
Thầy luôn hiện diện độ trì ngày đêm.
theo Thầy từng bước đi lên,
cứu dân thoát khỏi xích xiềng Satan.
Con người thoát cảnh lâm than,
trả xong một chuỗi nợ nần bể dâu.

Niềm tin thấp sáng năm châu,
chiếu lên muôn vẻ nhiệm màu tình yêu,
mạnh hơn muôn ngọn thủy triều,
quyền năng xoay chuyển trăm chiều khổ đau,
lung linh ánh nến nguyện cầu,
nguồn ơn thác đổ khơi sâu tình hồng,
phá tan cảnh sắc hư không,
muôn chim tung cánh khắp vùng tự do,
từ nay trong Đức Kitô,
vút cao tiếng gọi thiên thu ân tình.

Ôi quyền lực Chúa Thánh Linh ! ...

vân thanh 15.04.2007

VỀ MỤC LỤC

GIUSE – THÁNH QUAN THẦY ĐÁNG KÍNH CỦA TÔI

Giuse là tên thánh được đặt cho không riêng gì tôi mà là cho tất cả những người nam trong cả làng tôi. Đây là một thông lệ không biết có từ bao giờ và kéo dài cho đến tận ngày nay. Hể cháu bé trai nào chào đời là y như rằng tên thánh phải là Giuse. Chỉ Giuse thôi và không có tên thánh nào khác!

Tôi quê ngoài Bắc, di cư vào Nam năm 1954. Hầu như làng tôi di cư hết cả làng, chỉ còn sót lại có 5 gia đình Công giáo ở lại. Mà thực ra cũng không phải 5 mà là 3 vì 2 gia đình Công giáo từ nơi khác đến sau này. Chỉ năm gia đình còn lại mà phải coi sóc một nhà thờ họ cổ kính được xây dựng vào năm 1900. Nhà thờ này hầu như không thay đổi gì từ khi xây dựng đến nay đã trên 100 năm! Khi di cư, thì thánh Giuse cũng “di cư” vào Nam với làng tôi! Nói

cho vui thể thôi chứ thực ra thì Thánh Giuse vẫn được dân làng thờ kính cả ngoài Bắc lẫn trong Nam. Các cháu sinh ra cho dù trong Nam hay ngoài Bắc đều được đặt tên thánh là Giuse.

Khi vào Nam, cha xứ có sáng kiến là đặt tên thánh cho các giáo họ ở trại định cư mới thành lập. Không còn giống như ngoài Bắc "một mình một làng" mà là dân di cư từ nhiều làng khác nhau tập trung về đây nên tên gọi cho các giáo họ phải khác nhau. Giáo họ tôi vẫn lại được mang tên như xưa: Giáo họ Giuse.

Chính vì lẽ ai cũng tên thánh là Giuse nên đến ngày mừng lễ quan thầy thật là vui. Đúng là "niềm vui không của riêng ai"! Ngày lễ kính theo tập tục xưa là ngày 1.5, tức là ngày lễ kính Thánh Giuse Lao động (không phải ngày thánh Giuse bạn Đức Trinh Nữ 19.3). Lễ mừng luôn luôn được tổ chức trọng thể. Dân làng ai cũng dọn mình xưng tội rước lễ, đọc kinh sáng tối. Nhiều gia đình còn tổ chức đọc kinh theo xóm rất sốt sắng. Đến ngày lễ thì niềm vui mới đạt tới đỉnh cao. Trong thánh lễ, cha xứ nhắc lại ý nghĩa của ngày lễ, về công đức của Thánh Cả Giuse, về tấm gương cần cù lao động... Bởi lẽ thế, Giuse được coi là quan thầy không riêng gì cho làng tôi, mà là còn cho cả giáo phận, thậm chí cả Giáo hội toàn cầu. Nghe như thế trong tôi trào dâng một niềm vui sướng và tự hào. Thật vinh dự cho những ai mang tên thánh là Giuse, dĩ nhiên trong đó có tôi!

Việc tôn kính Thánh Giuse thì hầu như nhà thờ nào cũng có. Tôi đã có dịp đi đến nhiều nhà thờ và đều nhận thấy chắc hẳn đây là một nét đặc trưng của Giáo hội Việt Nam. Ở Sài Gòn ngày nay có cả một "Đền Thánh Giuse", nơi mà không ngày nào không có người đến cầu xin trong suốt nhiều năm qua.

Còn nhớ khi tôi còn bé, sau khi học xong tiểu học là phải đi thi. Cách đây trên 40 năm, khi mà giáo dục chưa phát triển như ngày nay, thì đi thi tiểu học là một kỳ thi hết sức trọng đại cho các cậu bé. Không đứa nào trong lớp của tôi không tỏ ra hồi hộp và lo lắng cho kỳ thi sắp đến, cho dù trong lớp có giỏi tới đâu! Mà khó khăn nữa là phải thi xa nhà. Làng định cư của tôi không phải là nơi tổ chức thi, phải lên quận. Quận lỵ cách xã chỉ 10 cây số thôi, nhưng vì lúc đó chỉ mới 11-12 tuổi đầu, đi thi như thế là xa lắm rồi, cho nên lại càng hồi hộp hơn. Làm thế nào để khỏi lo nhỉ? Không đứa nào trong số trên 40 đứa trong lớp tôi nghĩ ra. Mẹ tôi khuyên tôi cầu xin Thánh Giuse. Chà! Một lời khuyên đúng lúc. Tôi đề nghị các bạn cầu xin Thánh Giuse như lời khuyên của mẹ tôi thì liền được các bạn hưởng ứng nhiệt liệt! Thế rồi đứa nào cũng thì thầm "Lạy ơn Ông Thánh Giuse, chúng con chạy đến cùng Người, trong cơn gian nan ..." Tuy nhiên, kính Thánh Giuse lạ vừa dài, vừa khó nhớ nên không đứa nào thuộc hết! Thôi thì có lòng là được rồi! Cuối cùng, việc gì phải đến, sẽ đến. Trong số hơn 40 đứa chúng tôi đi thi tiểu học năm ấy, không có đứa nào hỏng cả. Thật vui mừng không kể xiết. Chúng tôi lại bàn tán, chắc là "Nhờ ơn Ông Thánh Giuse!"

Và thời gian trôi qua. Trong số hơn 40 học sinh nhỏ tuổi năm ấy thì chỉ có ít đứa được tiếp tục học lên. Tôi may mắn được cha mẹ cho lên tỉnh học, rồi thi tú tài, rồi tốt nghiệp đại học. Như một thói quen hình thành từ tấm bé, hễ khi nào tôi phải thi cử, tôi lại cầu xin cùng Thánh Giuse quan thầy của tôi. Sau này ra đời, tôi tiếp tục cầu xin cùng Thánh Giuse trong những dịp trọng đại hơn. Tôi cầu xin cùng Thánh Giuse trước khi tôi lập gia đình, tôi cầu xin cùng Thánh Giuse được bình an trong cuộc "tháo chạy tán loạn" năm 1975, lúc mà mạng sống con người bị đặt trong tình trạng hết sức mong manh, giữa lúc tên bay đạn lạc và "vô chính phủ", lúc chính quyền cũ đang tan rã và sụp đổ, trong lúc mà gia đình tôi không còn biết trông cậy vào đâu... Song tất cả đều được như ý. Thói quen cầu xin cùng Thánh Giuse khi gặp khó khăn, hoạn nạn vẫn hiện diện trong tôi trong nhiều năm qua.

Con trai tôi, tôi cũng đặt tên thánh là Giuse theo tập tục của làng tôi. Tuy nhiên, tên thánh của cháu bé khi đi rửa tội ngày nay người ta thường đặt theo tên thánh của cha đỡ đầu. Song năm ngoái tôi vẫn đặt tên thánh cho cháu nội của tôi là Giuse, nhưng có thay đổi đôi chút: ghép tên Giuse với tên thánh của người cha đỡ đầu của cháu và trở thành một tên mới: Giuse-Phêrô ...

Lạy Thánh Giuse, Thánh Cả của sức cần lao, quan thầy của con. Con vinh dự và tự hào cũng như yên tâm khi được mang tên của Người.

Giuse Nguyễn Thụ Nhân Gia Lai. 27.4.2007

TÌNH YÊU LÀ KIÊN NHẪN

Tác phẩm 13 Nét mặt của Tình yêu

Chương Một TÌNH YÊU LÀ KIÊN NHẪN

Dominique AUZENET

Lm Micae-Phaolô Trần Minh Huy chuyển ngữ

Khởi đầu bài ca đức ái, thánh Phaolô bắt đầu nói cho chúng ta Tình yêu là gì: Tình yêu là kiên nhẫn... Dịch sát động từ Hy Lạp có nghĩa là tình yêu có tấm lòng cao thượng... Đó là cả một chương trình cho đời sống hằng ngày của chúng ta, và chỉ có Chúa Thánh Thần mới có thể kiện toàn chương trình đó nơi chúng ta...

1. Thiên Chúa nhẫn nại.

Toàn bộ Kinh Thánh minh chứng rằng Thiên Chúa nhẫn nại. Suốt dòng lịch sử của mình, dân Do Thái càng ngày càng ý thức sâu xa về sự nhẫn nại của Thiên Chúa. Khi mạc khải cho Maisen, Giavê tuyên bố Ngài là *Thiên Chúa nhân từ và thương xót, chậm bất bình, giàu ân sủng và trung tín (Xh, 34,6...)*. Các mạc khải kế tiếp sẽ càng lúc càng nhấn mạnh về lòng nhẫn nại và tình yêu nhân từ của Chúa Cha, Đấng biết chúng ta được dựng nên bằng gì, *chậm nổi giận và tràn đầy tình thương, không đối xử với chúng ta theo lỗi lầm của chúng ta (Tv 103,8)*.

Bởi thái độ đối với những người tội lỗi và giáo huấn của Ngài, Chúa Giêsu nhập thể lòng nhẫn nại của Thiên Chúa. Các dụ ngôn về cây và không sinh trái (Lc 13,6-9), *đứa con hoang đàng (Lc 15)*, *người tôi tớ bất nhân (Mt 18,23-35)* đều là những mạc khải về lòng nhẫn nại của Thiên Chúa và là những bài học về nhẫn nại và yêu thương cho các môn đệ, vì Chúa muốn cứu những người tội lỗi. Trong dụ ngôn vị thẩm phán và người đàn bà góa, *Chúa Giêsu mời gọi cầu nguyện không ngừng để cho công lý được ngự trị, nhưng vẫn luôn ý thức Thiên Chúa nhẫn nại* :

"Lẽ nào Thiên Chúa lại không xử công minh cho các người được tuyển chọn hằng kêu cứu với Ngài đêm ngày, mà khoan giãn với họ mãi sao ! Thầy bảo anh em rằng Ngài sẽ xử mau cho họ. Nhưng liệu khi Con Người sẽ đến thì có còn gặp được lòng tin trên mặt đất nữa chăng ?" (Lc 18,1-8).

Các tông đồ nhìn thấy lòng nhẫn nại của Thiên Chúa biểu lộ trong sự chậm trễ bên ngoài của việc Chúa Giêsu đến trong vinh quang :

"Thiên Chúa không trì hoãn thực hiện điều Ngài đã hứa, nhưng Ngài nhẫn nại với anh em đó, vì muốn cho đừng ai phải hư đi, song mọi người đều được ăn năn trở lại" (2P. 3,9...).

Dù ngày nay sự nhẫn nại và lời kêu gọi của Thiên Chúa có kéo dài, những người được tuyển chọn phải lắng nghe Lời Chúa và cố gắng đi vào nơi nghỉ ngơi của Chúa (x.Hb 3,7-4,11). Thánh Phaolô khi nói về mình đã ý thức mạnh về sự nhẫn nại của Chúa đối với ngài :

"Nếu cha được xót thương thì chính là để Chúa Giêsu bày tỏ tất cả lòng nhẫn nại của Ngài đối với cha trước hết, khiến cha nên gương mẫu cho tất cả những ai tin vào Ngài để được sống muôn đời" (1 Tm 1,16).

2. Kiên nhẫn và không kiên nhẫn, một phong vũ biểu ?

Sự kiên nhẫn này của Thiên Chúa, Thánh Thần truyền vào lòng chúng ta và chúng ta phải làm chứng tá về điều đó bằng cuộc sống của mình :

"Với tất cả lòng khiêm tốn, dịu dàng và kiên nhẫn, anh em hãy chịu đựng lẫn nhau với

lòng yêu mến" (Ep 4,2 ; x.Col 3,12).

Lòng kiên nhẫn này phải được thực thi đối với hết mọi người :

"Chúng tôi khuyên nhủ anh em sửa bảo những người sống vô trật tự, khích lệ những người non gan, nâng đỡ những người yếu đuối và kiên nhẫn với hết mọi người" (I Th 5,14).

a) Lòng kiên nhẫn là dấu chỉ trưởng thành trong tình yêu.

Lòng kiên nhẫn là dấu chỉ chúng ta thoát ra được khỏi cái tôi của mình. Người kiên nhẫn phó thác trọn vẹn cho Thiên Chúa. Trong mọi lúc, dù bất cứ cái gì xảy đến, người kiên nhẫn đều hướng về Chúa với đức tin, cậy trông và yêu mến. Nhờ Thánh Thần Tình Yêu, Ngài làm phát sinh trong chúng ta hoa trái rất tốt đẹp của lòng nhẫn nại, góp phần cho sự thanh thản và bình an.

"Tình yêu không bao giờ đi một mình mà không có đoàn tùy tùng là những nhân đức đích thực đã kín múc nguồn sống của mình trong tổ ấm của đức ái. Tuy nhiên các nhân đức của Chúa Kitô không có cùng mức độ như nhân đức của chúng ta. Giữa các nhân đức này, lòng kiên nhẫn là chính yếu, và là cốt lõi của tình yêu. Chính lòng kiên nhẫn là dấu chỉ không sai lầm rằng linh hồn đang ở trong ơn nghĩa với Chúa và đang yêu thương thực sự. Chính vì thế mẹ nó là đức ái đã ban nó cho nhân đức vâng lời như người chị em. Chúng liên kết mật thiết với nhau đến nỗi nếu mất nhân đức này thì kéo theo cái chết của nhân đức kia. Chúng ta có cả hai, hoặc chẳng có nhân đức nào hết"[1]

b) Sự không kiên nhẫn là lời diễn tả sự gắn bó với ý riêng của mình.

Sự không kiên nhẫn nói lên ý nghĩa của một gắn bó với các dự tính, ý tưởng, ước muốn riêng của mình đến độ muốn làm tất cả mọi sự để thực hiện chúng. Nhưng không chỉ đơn giản như thế thôi đâu, lòng không kiên nhẫn thường được bộc lộ qua những thái độ giận dữ, thô bạo, xét đoán, những lời nói gây tổn thương, tranh chấp, dối trá...

Sự không kiên nhẫn rõ rệt là một biểu lộ của tính ích kỷ lấy mình làm tâm điểm : tôi bắt mọi thứ phải vây quanh tôi và không chấp nhận bị ngăn trở trong các dự tính hay thực hiện của mình. Chính vì thế sự không kiên nhẫn là một đèn hiệu báo động là tôi không ở trong tình yêu. Tôi phải dừng lại, mở lòng ra với Chúa đang hiện diện, phó thác cho Ngài, chấp nhận thực tế như Ngài đã trao ban, kêu xin sức mạnh Thánh Thần, rồi lại ra đi trong bình an. Đây là vài tia sáng rút ra từ những bút tích của thánh Catarina Siêna.

"Lòng kiên nhẫn chỉ được minh chứng trong lúc gặp phải nghịch cảnh, vì không có thử thách thì nhân đức không hiện hữu ; người không phải đau khổ chẳng cần đến lòng nhẫn nại, bởi vì không ai làm điều bất công với nó. Tôi nói rằng lòng nhẫn nại chứng minh là các nhân đức có hay không có ở trong tâm hồn. Làm sao chúng ta thấy được là nhân đức không có trong tâm hồn ? Đó là nhờ sự không kiên nhẫn.

Bạn có muốn thấy là các nhân đức còn bất toàn và gốc rễ của tự ái còn sống trong tâm hồn không ? Bạn hãy khảo sát hoa trái sinh ra vào lúc buồn phiền : nếu là hoa trái của lòng nhẫn nại thì đó là dấu hiệu gốc rễ của ý riêng đã chết và các nhân đức đang sống, còn nếu là hoa trái của sự không kiên nhẫn thì hiển nhiên là gốc rễ của ý riêng vẫn còn sống và nhân đức không có ở trong tâm hồn ấy.

... Ai có thể nói được những bất lợi từ đó phát sinh ra ? Tôi nghĩ rằng chẳng có ai, nhưng ba bất lợi chính mà người có ý riêng không chết cảm nhận được. Trước hết là người đó không trung thành với ánh sáng của đức tin sống động. Nó đã đặt mây mù vào con mắt trí khôn, vốn là con người của ánh sáng đức tin. Ngay khi đặt mây mù của tự ái trên nhãn quan và làm tối tăm ánh sáng đức tin như vậy, nó lập tức vấp ngã lần thứ hai và thứ ba bằng cách rơi vào sự không vâng lời làm phát sinh lòng mất kiên nhẫn dẫn tới cảm ràm, than vãn. Suy nghĩ một chút, bạn sẽ thấy rằng ba khuyết điểm này bao giờ cũng kèm theo nhau. Vậy không nên nghi ngờ rằng nếu căn đề của tự ái không chết đi trong chúng ta thì cái nhìn của chúng ta sẽ ra tối tăm và mọi hoa trái của nhân đức sẽ bất toàn, bởi vì sự hoàn hảo hệ tại việc làm cho ý muốn giác quan của chúng ta phải chết đi, đồng thời làm cho lý trí của chúng ta được sống trong thánh ý dịu ngọt của Chúa"[1]

3. Tôi có nhẫn nại không ?

Tôi có nhẫn nại với chính mình không ? Do ảnh hưởng của tội lỗi, chúng ta thường có khuynh hướng dễ ngã lòng khi nhận thấy mình lại luôn luôn vấp ngã trong cùng những lầm lỗi ấy, hoặc là tỏ ra chẳng tiến bộ chút nào trên đường hồi cải, hoặc trong sự biến đổi thiêng liêng của nhân cách mình. Nhẫn nại đối với chính mình không phải là lòng bao dung dẫn đến sự dễ dàng và phóng túng. Nó là một biểu lộ đích thực của tình yêu đến từ Thiên Chúa, là một cái nhìn về mình và tiếp tục cây trồng, bởi vì Thiên Chúa yêu thương tôi và hy vọng tôi hoán cải...

Tiếp đến, cái nhìn nhẫn nại và bao dung này hướng về tha nhân, hướng về tất cả những người chung quanh tôi. Lòng tốt mang dấu ấn nhẫn nại này cũng trải ra với những hoàn cảnh cuộc sống hằng ngày của tôi, chính xác là với những hoàn cảnh mà tôi đã không hề chọn lựa... Nhờ đó tôi kiểm chứng về tự do nội tâm của mình.

a) Lòng nhẫn nại mang tính chất xây dựng

Lòng nhẫn nại, là hoa trái của tình yêu, xây dựng tình yêu ở trong gia đình, trong các mối quan hệ, trong công việc, trong chính hữu thể của chúng ta. Nhờ lòng nhẫn nại, chúng ta làm cho những người chung quanh lớn lên trong tình yêu, chúng ta giúp họ tiến lên trên đường tình yêu...

Lòng kiên nhẫn đâm rễ sâu niềm hy vọng. Biết bao nhiêu lần vì thiếu nhẫn nại, chúng ta đã đóng chặt cửa và cỗi lòng mình lại với niềm hy vọng, bằng cách "tống khứ đi" người cần được yêu thương hoặc việc phải làm... Nhờ nhẫn nại, chúng ta dành thời gian cho những con người và những vật được có mặt ở đó và hướng họ vào kế hoạch của Chúa...

Lòng nhẫn nại truyền thông sự bình an của tâm hồn. Nó tháo gỡ nỗi của bạo lực nơi tha nhân và nơi tôi, nó thiết lập một trạng thái ổn định vốn là dấu hiệu của lòng tín thác vào Thiên Chúa. Nhờ nhẫn nại, chúng ta học bước đi theo từng bước chân của Chúa, trong những việc nhỏ mọn cũng như trong những việc trọng đại.

b) Lòng nhẫn nại đón tiếp Thiên Chúa trong đời sống thực tại.

Tình yêu là kiên nhẫn. Nếu tôi sống trong tình yêu của Thiên Chúa thì tình yêu này sẽ làm phát sinh trong tôi hoa trái này của lòng nhẫn nại và sẽ góp phần cho sự tăng triển của tôi trong tình yêu :

- Mọi người thế nào thì tôi tiếp đón họ thế ấy, không đòi họ phải thế khác...
- Tôi tiếp nhận các biến cố gây xáo trộn cho tôi với tâm hồn thanh thản, dù chúng đảo lộn những kế hoạch tốt nhất của tôi...
- Tôi tiếp nhận cái bất ngờ xảy đến trong bình an, nhận rằng nó có thể có một ý nghĩa cho cuộc đời tôi, trong lòng Chúa...

Trái lại, sự thiếu kiên nhẫn hoàn toàn ném tôi khỏi những chân trời yêu thích của tôi và góp phần co cụm tôi lại. Tôi bỏ qua ân sủng tình yêu của Chúa vốn là nội dung của những gì đang trình diện cho tôi.

c) Lòng nhẫn nại chờ đợi giờ của Chúa.

Bởi lòng ước muốn biết mình ở trong thánh ý Chúa, lòng nhẫn nại biết chờ đợi giờ của Chúa, mà không ngã lòng hay "thọc gậy bánh xe" bởi cách thức chúng ta muốn hối thúc các sự việc...

Đối với Chúa, "một ngày như thể ngàn năm và ngàn năm cũng tựa một ngày" (2 P 3,8 ; Tv 90,4). Vậy hãy bền tâm chờ đợi điều Chúa đã hứa và sự chín muồi của những gì Chúa đã cho nẩy mầm. Trong việc này, sự thiếu kiên nhẫn tỏ ra hoàn toàn có hại : lo âu đối với công trình của Chúa, cũng như với mọi việc, rõ ràng chẳng thay đổi được gì trong thực tế cả.

Có thể có những nỗi ray rứt lớn lao tàn phá xuyên trải cả một cuộc đời, lấy cớ vì một tình yêu lớn lao hơn, hay vì một việc phụng sự lớn lao hơn đối với Thiên Chúa... bởi vì chúng ta đã không thấy được rằng chúng ta được mời gọi từ bỏ chính mình trong suốt cơn thử thách này...

d) Lòng kiên nhẫn mang tính chất giải thoát.

Lòng kiên nhẫn giải thoát chúng ta khỏi những nỗi ray rứt và lo âu mà nguyên nhân có thể được biện minh... Khi mọi việc không ở trong tầm khả năng của chúng ta, hãy giao phó chúng cho Thiên Chúa và sống bình an, đó là điều thích hợp nhất. Chúa sẽ lo đến chúng... Lòng kiên nhẫn giải thoát chúng ta khỏi thất vọng. Chán nản còn là dấu vết của dính bén với lo nghĩ và tính toán. Tình yêu đích thực được triển nở trong nhẫn nại và cậy trông. Như thế, nó giải thoát ta khỏi nỗi phiền muộn cay đắng...

"Ngay cả khi tôi không hiểu gì về các biến cố xảy ra, tôi vẫn mỉm cười, vẫn nói lời cảm ơn, tôi luôn tỏ ra hài lòng trước mặt Chúa nhân lành. Không được nghi ngờ Ngài, như vậy là thiếu tế nhị. Không, không bao giờ được "nguyên rủa" sự quan phòng của Chúa, trái lại luôn luôn tỏ lòng biết ơn"[1]

Lòng nhẫn nại giải thoát chúng ta khỏi bức tức. Lúc nào cũng bức tức thì đó là dấu chỉ nhân cách của chúng ta đang cần phải được trưởng thành về mặt thiêng liêng. Trong những trường hợp thái quá, chắc chắn bức tức sẽ biến thành giận dữ mang tính chất phá hoại... Bức tức chứng tỏ rằng thập giá làm chúng ta khó chịu. Thập giá là tất cả những gì nghịch lại ý riêng của chúng ta trong lúc đó. Dần dần được trưởng thành, chúng ta tập đón nhận thánh ý Chúa xuyên qua những gì xảy đến, bằng cách bỏ ý riêng của mình. Càng ít bức dọc, chúng ta càng được bình an... Lòng nhẫn nại giải thoát chúng ta khỏi bạo lực cuối cùng cũng đến, dưới hình thức này hay hình thức khác, khi chúng ta từ chối cái đang trình diện với chúng ta...

Lòng nhẫn nại cũng góp phần giải phóng khỏi chủ nghĩa cầu toàn luân lý. Sự cầu toàn này là một trở ngại thực sự khi chúng ta lẫn lộn nó với lời mời gọi nên thánh. Việc muốn làm tất cả mọi sự đến hoàn hảo có thể tạo nên những phức tạp không ngừng vì đã lẫn lộn người không thể chèn vào đâu được với người ở trong tình yêu của Thiên Chúa. Thiên Chúa đòi chúng ta để được yêu thương ngay trong chính những yếu đuối của chúng ta. Quá gắn bó với sự hoàn hảo trước hết mọi sự có thể lôi chúng ta ra khỏi mục tiêu duy nhất mà chúng ta phải đeo đuổi là không ngừng mở rộng trái tim chúng ta ra với tình yêu của Chúa...

"Con yêu quý của mẹ ơi, đức nhẫn nại này là nữ hoàng. Ngồi trên tảng đá sức mạnh, nó luôn luôn chiến thắng, không bao giờ bị chiến bại. Đức nhẫn nại không ở một mình, nó luôn có sự bền đỗ làm bạn đồng hành. Nó là cốt tủy của đức ái. Chính nó bộc lộ ra bên ngoài sự có mặt của đức ái. Chính nó chứng tỏ linh hồn được mặc áo cưới tinh tuyền. Chiếc áo này mang một vết rách, một thiếu hoàn hảo nào thì lòng thiếu nhẫn nại lập tức khám phá ra ngay.

Thật dễ dàng bị lừa dối về các nhân đức khác. Ta tưởng chúng trọn hảo trong khi chúng không được như thế, bao lâu chúng không chịu thử thách của đức nhẫn nại. Nhưng nếu sự nhẫn nại dịu dàng này là cốt tủy đức ái của tâm hồn thì nhờ đó nó sẽ cho thấy rằng các nhân đức là hoàn hảo và sống động. Nếu chúng không cung cấp bằng chứng này, ấy là chúng còn ở trạng thái không hoàn hảo và chưa đạt tới bàn thập giá rất thánh, ở đó lòng nhẫn nại được ý thức trong sự nhận biết chính mình và hiểu biết Lòng Tốt của Chúa, ở đó nó được sinh ra bởi lòng thù hận thánh thiện đối với tội lỗi và nhận được dầu của lòng khiêm tốn đích thực. Lòng nhẫn nại này không bao giờ từ chối lương thực đã được dọn ra cho nó trên bàn thập giá này, nó là vinh hiển của Chúa và là phần rỗi của các linh hồn"[1]

e) Làm sao thủ đắc được lòng nhẫn nại ?

"Chúng ta phải dùng những phương thế nào để có được lòng nhẫn nại này ? Bởi vì tôi có thể và phải có nó, nên nếu tôi không nhẫn nại là tôi sẽ xúc phạm đến Chúa. Có bốn việc chính yếu phải tìm kiếm và thủ đắc.

Trước hết là phải có ánh sáng đức tin, bởi vì nhờ ánh sáng đức tin mà chúng ta thủ đắc được mọi nhân đức; không có ánh sáng này, chúng ta sẽ bước đi trong tối tăm như người mù, vì đối với người mù thì ngày cũng như đêm. Cũng thế đối với linh hồn không có ánh sáng đức tin : Điều Thiên Chúa vì yêu thương mà làm như ngày rạng rỡ hơn cả ánh sáng thì nó lại coi như bóng tối thù hận bằng cách tưởng tượng ra rằng Chúa vì thù hận mà cho phép xảy ra những gian truân và mệt mỏi nó cảm nhận. Vì thế, chúng ta thấy cần phải có ánh sáng của đức tin rất thánh thiện.

Phương thế thứ nhì để có lòng kiên nhẫn được thủ đắc với ánh sáng đức tin này, nghĩa là phải tin thực sự, chứ không chỉ tin suông; phải chắc chắn rằng tất cả những gì hiện hữu đều bởi Chúa mà ra, trừ tội lỗi... Trong Phúc Âm, Chúa Giêsu bảo rằng không có một cái gì mà Chúa không an bài; Ngài cũng nói rằng mọi sợi tóc trên đầu chúng ta đều đã được đếm tất cả và không một sợi nào rơi xuống mà Ngài không biết... Cũng thế, tất cả những gì sự quan phòng của Chúa ban và cho phép đều được ban và cho phép với một mục đích nhiệm mầu, bởi yêu thương chứ không phải bởi thù hận.

Việc thứ ba phải thấy và biết dưới ánh sáng đức tin, chính là Thiên Chúa là lòng Nhân Lành vĩnh cửu và **tối thượng, và Ngài không muốn gì khác ngoài thiện ích** của chúng ta. Ý muốn của Chúa là chúng ta được thánh hóa ở trong Ngài. Tất cả những gì Ngài ban và cho phép đều nhằm mục đích này.

Việc thứ tư phải có để có thể đi đến lòng nhẫn nại đích thực là nhìn nhận rằng các tội lỗi và tật xấu của **chúng ta đã xúc phạm biết bao đến Chúa, vốn là sự thiện tối cao và vô cùng...** và chúng ta phải hiểu rõ rằng chúng ta thật khốn nạn vì đã xúc phạm đến Đấng Tạo Hóa như thế"**[1]**

Suy niệm để lần hạt Mân Côi

1. Tình Yêu là nhẫn nại. Khi mạc khải cho Môsê, Chúa tuyên bố là "Thiên Chúa dịu dàng và hay thương xót, chậm bất bình, giàu ân sủng và thành tín ..." (Xh 34,6). Chúc tụng Chúa đã mạc khải cho chúng con lòng nhân hậu của Chúa, xin cho chúng con luôn khám phá được lòng nhẫn nại của Chúa ngày một hơn.

2. Tình Yêu là nhẫn nại. "Chúa không trì hoãn thực hiện những gì đã hứa, nhưng Ngài hằng nhẫn nại đối với anh em, Ngài không muốn một ai phải hư mất, song mọi người đều đi đến hồi cải" (2 P 3,9). Xin Chúa cho chúng con được nên chứng tá lòng nhẫn nại của Chúa bằng cách thi thố lòng nhẫn nhục này với những người chung quanh.

3. Tình Yêu là nhẫn nại. Thánh Phaolô viết cho tín hữu Thessalonica : "Chúng tôi khuyến khích anh em hãy khuyên bảo những người sống vô kỷ luật, khích lệ những người nhát đảm, nâng đỡ những người yếu đuối và kiên nhẫn với tất cả mọi người" (1 Th 5,14). Xin Chúa giải thoát chúng con khỏi mọi đầu óc đoán xét và ban cho chúng con sự khiêm nhường thật trong lòng.

4. Tình Yêu là nhẫn nại. "Với tất cả lòng khiêm nhường, dịu dàng và nhẫn nại, anh em hãy lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau" (Ep 4,2; x.Col. 3,12). Lạy Chúa, tha nhân thể nào xin giúp con tiếp đón họ thể ấy. Xin Chúa giúp con tiếp nhận các biến cố quấy rầy con với lòng thanh thản và tiếp nhận cái bất ngờ với lòng bình an...

5. Tình Yêu là nhẫn nại. "Về sức chịu đựng và lòng kiên nhẫn, anh em hãy noi gương các ngôn sứ là những người nói nhân danh Chúa. Chúng tôi tuyên bố : phúc thay những kẻ có lòng kiên trì ! Anh em đã nghe nói đến lòng kiên trì của ông Gióp và đã thấy ý định của Thiên Chúa, vì Ngài là Đấng từ bi nhân hậu" (Jc 5,10-11). Lạy Chúa, xin ban cho chúng con ơn kiên trì để phụng sự Chúa và phục vụ anh chị em chúng con.

VỀ MỤC LỤC

Bệnh Cột Sống

Xương sống trẻ sơ sinh có 33 đốt: 7 đốt cổ, 12 đốt ngực, 5 đốt thắt lưng, 5 đốt hông và 4 đốt cụt.

Tới khi trưởng thành, các đốt hông và cụt dính lại với nhau, chỉ còn lại hai xương cùng và

xương cụt. Vì thế người trưởng thành chỉ có 26 đốt xương sống.

Xương sống nâng đỡ sức nặng các phần ở bên trên của cơ thể là đầu, mình, hai tay.

Cột sống chạy từ đáy hộp sọ xuống tới cuối lưng, bao bọc và bảo vệ dây cột sống (spinal cord). Dây cột sống gồm có các tế bào thần kinh, các bó sợi thần kinh kết nối tất cả các bộ phận của cơ thể với não bộ. Từ cột sống, phát xuất 32 đôi dây thần kinh tủy sống.

Xương sống khớp với hộp xương sọ, xương sườn, đai hông và là nơi bám của các cơ lưng.

Cột sống không đứng ngay thẳng mà có nhiều đoạn hơi cong để chịu sức nặng cơ thể hữu hiệu hơn trong các thế đứng khác nhau.

Các đốt xương sống được dây chằng và hơn 400 cơ bắp nhỏ neo giằng hỗ trợ.

Dây chằng (ligament) là một băng mô liên kết xơ cứng, màu trắng, nối hai xương với nhau ở vùng khớp. Các dây này không đàn hồi nhưng có thể uốn cong, giữ cho khớp mạnh hơn và giới hạn sự chuyển động của khớp về một phía nào đó.

Nằm giữa các đốt xương là một cấu trúc dẹp (đĩa liên sống) cấu tạo bằng chất collagen rất bền chắc dùng làm chất đệm cho đốt xương, chống đỡ với sức mạnh va chạm. Khi mới sanh, nước chiếm 80% thành phần cấu tạo đĩa và đĩa mềm sộp. Tới tuổi già tăng, nước trong đĩa khô dần. Vì đĩa không có mạch máu nuôi dưỡng, cho nên khi bị tổn thương thì không tự lành được.

Khi đĩa bị chấn thương, dây thần kinh bị đè kẹp và gây ra đau đốn vô cùng cho chân. Đốt ở phía cuối cột sống là nơi gây ra nhiều đau hơn cả.

Khi các thành phần cấu tạo xương sống bị tổn thương, siêu vẹo, co kéo thì đau lưng xảy ra.

Mấy bệnh thông thường của cột sống:

Thoái hóa đĩa đệm (Degenerative Disc Disease)

Đĩa đệm là một cấu trúc sụn-xơ nằm giữa hai đốt sống.

Toàn bộ đĩa đệm chiếm $\frac{1}{4}$ chiều dài cột sống và hoạt động như một bộ phận giảm sóc để bảo vệ não và dây thần kinh não tủy khi cơ thể vận động mạnh, như chạy nhảy, uốn mình.

Một số tác giả coi thoái hóa đĩa đệm như một diễn biến của sự hóa già. Đĩa giảm đàn hồi, dẻo dai và giảm sóc. Lớp dây chằng bao bọc đĩa trở nên giòn, dễ gãy. Đồng thời phần chất mềm ở giữa đĩa bắt đầu khô và teo lại, mấu xương (spur) mọc nhô ra ở cạnh đốt xương sống và mặt khớp đốt xương.

Đĩa đệm sẹp và mấu xương nhô ra sẽ làm thu hẹp khoảng trống dành cho dây cột sống, do đó rễ dây thần kinh bị đè ép.

Không phải ai bị thoái hóa đĩa đệm cũng bị đau lưng.

Cơn đau thường xảy ra khi bệnh nhân ngồi vì lúc này phần dưới cột sống chịu sức nặng gấp ba lần khi đứng. Cơn đau tăng khi bệnh nhân cúi xuống, nâng vật nặng hoặc vận mình. Đi lại hoặc chạy chậm đôi khi làm cơn đau giảm đi. Khi nằm, áp lực lên đĩa đệm giảm và làm bớt đau.

Ngoài đau lưng, bệnh nhân còn cảm thấy đau nhói nhói, tê tê ở dưới chân và bàn chân vì dây thần kinh có thể bị kẹp hoặc đè ép.

Chụp X-quang MRI hoặc CT scan là hai phương tiện rất hữu hiệu để xác định bệnh. MRI cho biết mức độ thoái hóa và thoái vị của đĩa đệm.

Có nhiều biện pháp trị liệu khác nhau:

a- Không giải phẫu

- Trước hết, bệnh nhân cần kiểm soát cơn đau: chườm lạnh để làm giảm đau, chườm nóng để cơ bắp thư giãn,
- Dùng thuốc chống đau như acetaminophen, thuốc chống đau không có steroids (NSAIDS), thuốc có chất á phiện, thuốc thư giãn bắp thịt.
- Đôi khi, bác sĩ cũng có thể chích cortisone vào màng tủy xương.

Ngoài ra, châm cứu, thủ thuật chỉnh xương, thoa nắn, siêu âm... cũng có nhiều công hiệu.

Đôi khi người bệnh phải phối hợp nhiều phương thức khác nhau, chứ không có một phương thức chung cho mọi người bệnh.

b- Tập luyện, vật lý trị liệu

Khi cơn đau đã giảm, bệnh nhân cần tích cực tập luyện các thành phần cấu tạo cột sống. Tập luyện mang lại một số lợi ích như sau:

-Giúp các thành phần cấu tạo xương sống duy trì sự bền bỉ và sức mạnh, giảm áp lực xuống đĩa đệm. Nhờ đó, cơn đau giảm bớt.

-Vận động mang chất dinh dưỡng tới cho đĩa đang bị thoái hóa, tổn thương. Tập vươn giãn theo thể điệu để tăng cường sức mạnh của bắp thịt dọc theo xương sống, nhờ đó cơn đau cũng giảm.

c- Thay đổi lối sống, thói quen

Bệnh nhân cũng nên tránh các động tác gây ảnh hưởng cho đĩa đệm, như là nâng vật quá nặng, vận lưng quá cong và nên sử dụng ghế đệm đỡ lưng.

Nếu hút thuốc là thì nên ngưng, vì thuốc lá làm giảm máu tới nuôi dưỡng đĩa. Nếu quá mập phì cũng cần giảm cân.

d- Sau sáu tháng phối hợp điều trị như trên mà cơn đau không những không giảm, mà còn gia tăng, gây trở ngại cho cuộc sống, cho công việc hàng ngày thì có thể nghĩ tới giải phẫu.

Có hai phương thức giải phẫu thường được dùng:

- Nối tiếp đốt sống (Fusion lumbar spine):

Đĩa thoái hóa được lấy ra và thay thế bằng xương của người bệnh hoặc xương tổng hợp. Xương sẽ mọc ra trên xương ghép và hai đốt xương sẽ dính với nhau. Bệnh nhân sẽ không còn cảm thấy đau vì đĩa thoái hóa không còn nữa.

Phương thức này có vài khuyết điểm: vết mổ đau, mất thời gian lâu để đốt sống dính với nhau, sự dính đưa tới thay đổi chuyển động của các đốt sống lân cận

- Thay thế bằng đĩa nhân tạo

Đĩa nhân tạo được thay thế vào vị trí của đĩa thoái hóa. Thay thế này mới được cho phép dùng ở Hoa Kỳ vào năm 2004, cho nên còn cần nhiều nghiên cứu bổ túc để hoàn thiện.

Giải phẫu chữa thoái hóa đĩa đệm là một phẫu thuật phức tạp, cần một thời gian lâu sau giải phẫu để phục hồi và có thể gây ra một số khó khăn. Do đó, bệnh nhân cần cân nhắc suy nghĩ kỹ càng và cần thảo luận lợi hại với bác sĩ điều trị trước khi quyết định.

Sa đĩa liên sống (Herniated Disc)

Còn gọi là thoát vị đĩa đệm, trượt đĩa (slipped disc), vỡ (ruptured) hoặc rách (torn) đĩa.

Trường hợp này xảy ra khi nhân của đĩa nhô ra qua màng xơ bao chung quanh đĩa và ép lên các rễ thần kinh, dây chằng kế cận.

Đa số các trường hợp thoát vị đĩa đệm đều thường thấy ở tuổi 30-40, khi mà nhân đĩa còn dẻo như gelatin. Thoát vị xảy ra bất chợt khi vận hoặc cong cột sống quá mức. Phần đĩa đệm lòi ra sẽ đè lên dây thần kinh cột sống.

Sa đĩa đệm có thể thấy ở bất cứ phần nào của cột sống, nhưng 98% trường hợp ở giữa hai cột sống lưng số 4- số 5 và cột sống lưng số 5 - xương cùng.

Bệnh nhân có những cơn đau sắc bén, mạnh như xé thịt ở lưng, chạy xuống vùng chân mà dây thần kinh tủy có ảnh hưởng. Đáng đi tập thể, co chân đau để tránh mang sức nặng của cơ thể.

Điều trị với nghỉ ngơi, chườm nóng lạnh, dùng thuốc chống đau, vật lý trị liệu, giải phẫu nếu cần.

Vẹo cột sống (Scoliosis)

Vẹo cột sống là một hình dạng bất bình thường về độ cong của xương sống.

Ở một người bình thường và khi nhìn từ phía sau, cột sống là một đường thẳng đứng từ phần chót của gáy xuống tới xương cụt.

Nếu nhìn nghiêng, xương sống có hình chữ S, cong ra phía trước ở phần lưng trên và cong về phía sau ở phần lưng dưới.

Khi bị vẹo, nhìn từ phía sau sẽ thấy cột sống có một vài độ cong không bình thường.

Các dấu hiệu thường thấy của vẹo cột sống gồm có:

- Hai vai cao thấp không đều nhau
- Một xương bả vai nhô cao hơn phía bên đối diện
- Eo bên cao bên thấp
- Một bên hông cao hơn bên kia
- Khi đứng hoặc đi lại, người nghiêng về một phía.

Khi cột sống vẹo nhiều, xương sườn và lồng ngực nhô về phía trước, gây khó khăn cho sự thở và cũng gây ra đau lưng.

Nguyên nhân gây ra vẹo cột sống chưa được biết rõ. Có nhiều trường hợp do bẩm sinh, do chân dài chân ngắn. Vẹo cột sống thường thấy ở nhiều người trong một gia đình.

Vẹo cột sống không phải là hậu quả của dáng đi không ngay ngắn, vận động cơ thể quá mạnh hoặc đeo vật nặng trên lưng.

Cứ 1000 trẻ em thì có từ 3-5 em bị vẹo cột sống và trẻ gái vẹo nhiều hơn trai.

Vẹo trầm trọng hơn khi xảy ra ở tuổi trẻ, khi cột nghiêng nhiều nhất là nghiêng ở phần trên cột sống.

Bất thường này ít khi xảy ra ở tuổi trưởng thành, đôi khi vì cột đã bị vẹo từ nhỏ mà không chữa hoặc vẹo do thoái hóa cột sống.

Bình thường, vẹo cột sống không gây ảnh hưởng xấu cho sức khỏe. Tuy nhiên, khi cột vẹo nhiều sẽ gây tổn thương cho tim, phổi, đau lưng. Lồng ngực sẽ đè vào tim phổi gây khó khăn cho sự hô hấp và sự bơm máu từ tim.

Vẹo cột sống gây ra đau lưng kinh niên, đôi khi viêm xương khớp cột sống.

Thường thường, bác sĩ gia đình cũng như trường học đều khám để coi trẻ em có bị vẹo cột sống không.

Trẻ bị vẹo cột sống được điều chỉnh bằng:

- Đeo nẹp lưng (brace) để vẹo không trầm trọng hơn. Khi cởi bỏ nẹp, cột sống vẹo trở lại.
- Giải phẫu nối đốt sống ở chỗ vẹo với nhau, nhờ đó cột sống thẳng trở lại. Phẫu thuật này rất phức tạp, cần được bác sĩ và bệnh nhân cân nhắc lợi hại trước khi thực hiện.

Thoái hóa đốt sống (spondylosis, osteoarthritis of the spine)

Trong thoái hóa đốt sống, lớp sụn lót giữa hai mặt đốt xương và đĩa liên hợp bị tổn thương gây ra thay đổi cấu trúc và suy giảm chức năng của cột sống. Tuổi cao là rủi ro chính của sự thoái hóa nhưng mức độ thoái hóa nhanh chậm tùy theo từng người. Thoái hóa có thể xảy ra ở cột sống cổ, ngực, lưng.

1- Thoái hóa đĩa đệm: Với tuổi cao, vành bao bọc đĩa đệm bị rách mòn, phần keo trong đĩa khô nước, giảm khả năng chống sốc và giảm chiều cao của cơ thể. Chất keo có thể lòi ra khỏi vành, đè lên rễ dây thần kinh não tủy.

2- Viêm khớp đốt sống

Mỗi đốt sống có 4 mặt khớp có nhiệm vụ như cái bản lề để cột sống có thể cử động nghiêng ngả về phía trước sau và hai bên. Một lớp sụn bao phủ mặt khớp để sự chuyển động khớp được trơn tru. Khi bị thoái hóa, sụn hao mòn, gai xương (osteophyte=bone spurs) mọc ra.

Thoái hóa đốt sống cổ gây ra đau ở cổ, vai và cánh tay. Gai xương có thể đè lên rễ dây thần kinh, làm cho các bắp thịt ở tay yếu.

Viêm khớp đốt sống ngực gây ra đau khi cúi xuống hoặc ngửa người ra phía sau.

Đốt sống lưng chịu đựng hầu hết sức nặng của cơ thể. Khi thoái hóa, thường có đau lưng nhất là khi ngồi lâu hoặc nâng nhấc vật nặng.

Chụp hình cột sống (X-quang, MRI, CT Scan) đều thấy rõ các thay đổi của cột sống.

Điều trị

Nhiều người cứ cho rằng khi bị thoái hóa cột sống là sẽ bị đau lưng suốt đời hoặc phải ngồi xe lăn. Thực ra, bệnh không đưa tới tình trạng bi quan như vậy, vì với các phương tiện trị liệu hiện có, 75% bệnh nhân có thể phục hồi.

Trị liệu căn bản gồm có:

- Nằm nghỉ không quá 3 ngày, để tránh máu cục ở tĩnh mạch nằm sâu dưới da
- Dùng được phẩm chống viêm đau, thuốc thư giãn cơ bắp trong thời gian ngắn
- Vùng xương bị viêm được giữ cố định để tạm thời giới hạn cử động khớp và giảm đau
- Chườm nóng, kích thích điện
- Tập các cử động tăng sức mạnh bắp thịt ở bụng, dọc theo cột sống để giúp cột sống mạnh hơn
- Thay đổi nếp sống, việc làm, bỏ thuốc lá, giảm cân nếu mập phì...

Giải phẫu ít khi cần đến trong trường hợp thoái hóa đốt sống.

Đau dây thần kinh tọa.

Dây thần kinh tọa (sciatic nerve) là dây thần kinh chính ở chân.

Đây là dây thần kinh lớn nhất, chạy dài từ phần dưới cột sống xuống phía sau đùi. Tới khớp gối, dây chia ra làm hai nhánh phân bố cho các cơ và da của chân.

Đau dây thần kinh tọa thường xảy ra ở lớp tuổi từ 30- 50 và thường là do một đĩa đệm ở phần dưới lưng lồi ra, đè lên rễ của dây thần kinh.

Triệu chứng chính của rối loạn này là cảm giác đau ở một phía cơ thể, chạy dài từ dưới lưng xuống mặt sau của bắp đùi và bắp chân, đôi khi tới bàn chân, ngón chân. Cảm giác đau có thể là:

- Đau ở phía sau chân nhất là khi ngồi
- Cảm giác nóng và nhoi nhói dưới da
- Yếu, tê tê và không cử động được chân và bàn chân
- Đau liên tục khiến cho đứng lên khó khăn
- Thường thường đau ở dưới chân nhiều hơn là ở lưng

Cảm giác đau thường hết sau thời gian từ hai tuần lễ tới vài tháng. It khi dây thần kinh tọa bị tổn thương vĩnh viễn.

Nếu thấy chân mỗi ngày mỗi yếu hoặc có rối loạn đại tiểu tiện, thì cần gặp bác sĩ ngay để khám nghiệm, điều trị vì có thể là dây thần kinh tọa bị tổn thương trầm trọng.

Điều trị tập trung ở giải quyết nguyên nhân (kẹp dây thần kinh tọa) giảm đau với thuốc chống viêm đau, vật lý trị liệu, tập luyện tăng sức mạnh bắp thịt.

Giải phẫu cũng được áp dụng khi bệnh không thuyên giảm với các trị liệu kể trên. Mục đích của giải phẫu là để giải tỏa đè kẹp rễ dây thần kinh tọa.

Viêm cứng khớp cột sống (ankylosing spondylitis)

Như tên gọi, viêm cứng cột sống là trường hợp viêm của đốt xương sống. Trong trường hợp trầm trọng, các đốt xương có thể dính lại với nhau và gây ra giới hạn cử động của bộ phận này. Viêm dây chằng, gân kết nối các đốt sống với nhau cũng có thể xảy ra.

Các đốt sống cùng-chậu là nơi thường hay bị viêm

Bệnh này xảy ra ở mọi lứa tuổi, nhưng thường thấy ở tuổi từ 15 tới 30 và ở đàn ông nhiều hơn đàn bà.

Triệu chứng gồm có:

- Đau lưng kinh niên, kéo dài từ nhiều tháng tới nhiều năm
- Cơn đau thường xảy ra vào ban đêm
- Cảm giác cứng nhắc ở lưng sau khi ngủ dậy và kéo dài suốt ngày
- Đau ở vùng xương sườn, bả vai, hông, đùi, gót chân
- Viêm mống mắt (iritis) với cảm giác cộm cộm như có cát trong mắt.
- Trong một vài trường hợp, viêm phần cuối của động mạch chủ.

Nguyên nhân gây ra viêm cứng khớp cột sống chưa được biết rõ, nhưng bệnh mang tính cách di truyền cho nhiều người trong gia đình.

Bệnh không chữa hết được, nhưng có nhiều phương thức giúp bệnh nhân cảm thấy thoải mái, bớt đau và duy trì sinh hoạt hàng ngày.

Các loại thuốc chống viêm đau không có steroid giúp bệnh nhân bớt đau và cứng khớp. Thuốc có steroid đôi khi cũng được dùng.

Tập luyện, vận động cơ thể có vai trò quan trọng trong bệnh viêm cứng này. Tập luyện để giúp khớp xương chuyển động, giảm đau nhức, giữ dáng điệu và lồng ngực bình thường và không gây trở ngại hô hấp.

Kết luận

Cột xương sống là một cấu trúc tuyệt hảo để:

- nâng đỡ đầu và phần trên của cơ thể
 - chứa đựng và bảo vệ cột tủy sống, nơi dẫn truyền cả triệu tín hiệu sinh tử giữa não bộ và các cơ quan, bộ phận của cơ thể.
 - giúp cơ thể uyển chuyển thân hình, thích nghi với các hoạt động khác nhau.
- Do đó, cột sống cần được sự lưu tâm chăm sóc và nuôi dưỡng đầy đủ.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức Texas-Hoa Kỳ

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Được chọn giữa loài người và cho loài người;
